

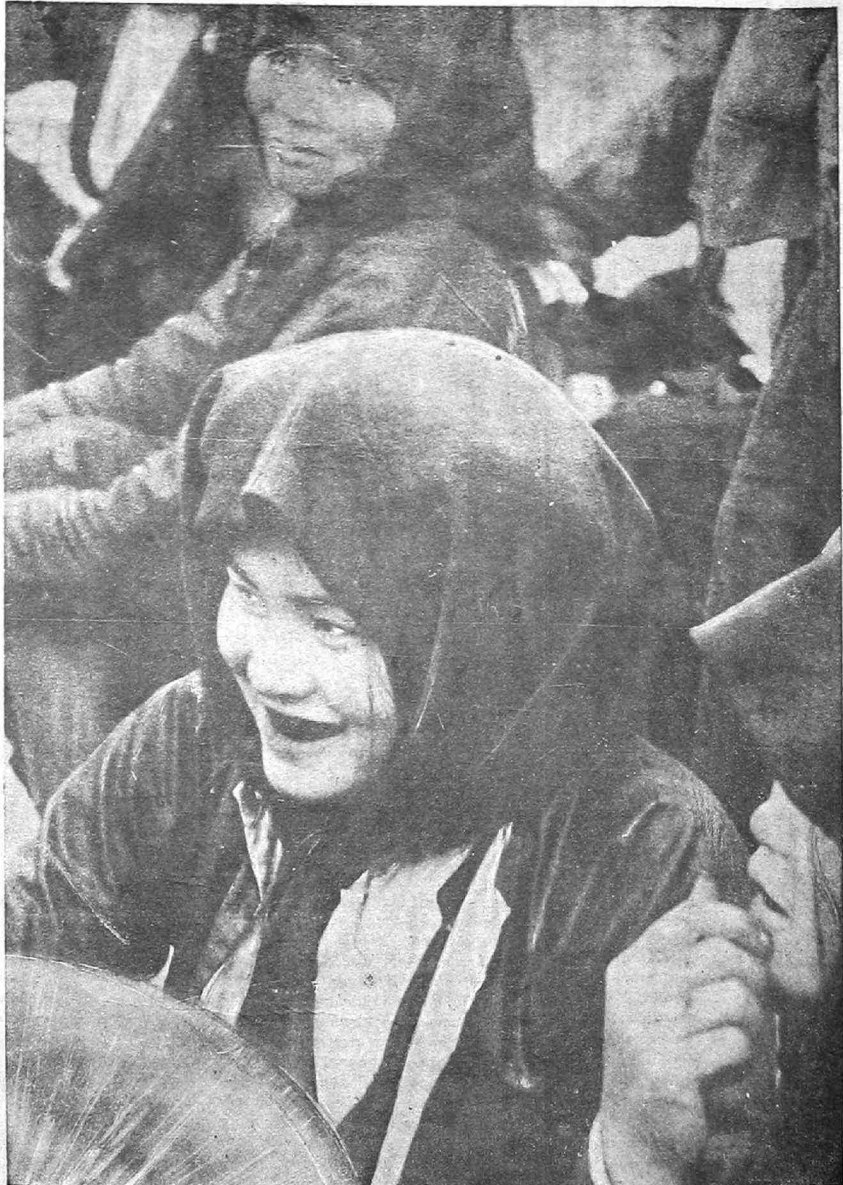
NGAY NAY

SỐ 4 - NAM THU NHẬT

1^{er} MARS 1935

0\$10

GIAM-ĐOC : NGUYEN-TUONG-CAM
CHU-BUT : NGUYEN-TUONG-LAN



Mỗi tháng ra ba kỳ
ngày 1^{er}, 10, 20.
TOA-SOẠN và TRỊ-SỰ:
55, Rue des Vermicelles — Hanoi
CHI-NHÁNH ở SAIGON
160, Đường Lagrandière

NỤ CƯỜI CỦA CÔ GÁI LIM...

Số 1

DÂN QUÊ

SAU khi đi qua những cánh đồng mênh mông, phẳng lì đến tận chân trời, người ta đã bắt đầu cây bừa, qua những làng sơ sác, mái nhà tranh lụp xụp thấp thoáng trong mây dặng tre lẻo tẻo, sau khi thấy một lần nữa cảnh tiêu tụy chốn thôn quê, tôi có một cái cảm giác cũng buồn tẻ, cũng chán nản mênh mông như những cánh đồng mênh mông ấy.

Rồi, dưới hạt mưa bụi bay lạnh ngắt, đến những nơi lấm lụi, người ta hội họp để lễ hay ăn chơi, đến những nơi những quan viên sừng sừng trong bộ áo dĩa, theo dịp kèn, tiếng trống, dẫn rệu rã đi bước một, và đến những hàng quả bánh, điểm tổ tôm, bán thỏ lỏ, quay đất, dân anh và đàn em phê phờn, cảm giác ấy lại thấy phiền phức hơn, và bắt tôi tự hỏi: « Có thể khác thế được không? Họ có thể sống một đời đáng sống hơn được không? »

Vấn biết thôn quê bây giờ ta cảnh tiêu điều là vì phần nhiều người nhà quê nghèo nàn thật, vẫn biết trong đời họ phẳng lì cũng như cánh đồng bao nhiêu ý nghĩ đều tụ tập vào cả chốn đình chung, làng xóm, phe giáp. đến ngôi thứ ăn uống, vẫn biết thật ra phải có một phong trào kịch liệt lắm mới có thể làm biến một ông Lý Toét ra một ông nhà quê vẫn mình được, vẫn biết thế nhưng ta cũng phải nhận rằng cứ như thế mãi, thì ta còn hủ lậu mãi.

Hủ lậu vì cách làm ăn của ta chẳng canh cải chút nào. Nghề nông xứ ta thật ra — dù người làm ruộng có chịu khổ đến thế nào mặc dầu — cũng chỉ là nghề nông của một nước bán khai, và ta chưa biết sáp nhập được nhiều công nghệ mới vào nền kinh tế để cung đủ việc làm trong suốt năm cho mọi người.

Hơn nữa, ta còn hủ lậu vì khối óc, khối óc không mong muốn sự đổi thay, ngày sau hơn ngày nay. — Ta chỉ bo bo giữ lấy hủ tục, theo vết xe người trước, — vì như thế đỡ phải suy nghĩ, cố gắng, — thân nhiên chịu đựng được bao nhiêu điều thiếu thốn đau khổ. Phục tùng dưới mệnh lệnh của tập quán, dân ta, — một khối vô hồn — hình như không thiết theo đuổi một cái tương lai tốt đẹp hơn, không tin, không mong gì nữa.

Phải đổi khác cả đi mới được. Phải làm cho ta tin rằng ngày sau có thể hơn ngày nay, phải tin ở sự tiến bộ, tiến bộ do ý nghĩ và sự cố gắng của mọi người. Phải bỏ lòng nhút nhát phục tùng — cố nhân hay phó thác vào thế vận, và thay vào đây những môi tin ngưỡng khác, tin ngưỡng đến giá trị của loài người và đến sự tiến hoá, tin ở gương ấy nó sẽ làm cho ta hoạt động, cố gắng, muốn phấn đấu.

Minh-Trúc

CÁU truyền nhà cửa ở thôn quê nước ta, thật là một câu truyền buồn, nếu không phải là một câu truyền... buồn. Ở nước Tây hay nước Anh, câu truyền nhà cửa là câu truyền của những căn phòng sáng sủa, cao ráo, câu truyền của cái lò sưởi, những đèn đồng lạnh lẽo, lách tách ngon lica hồng ấm áp reo. Ở bên Mỹ, ở Niua Uớc, là câu truyền của những cái nhà ngọ man « trọc trời », của cái nhà chực chực, vuông cân bằng xi-măng, cốt sắt — cao ngất đến năm, sáu mươi tầng, có những thang điện lên, xuống rầm rập, có những giầy điện chằng chịt và ông dân nước đi khắp các hướng.

Ở bên Nhật, câu truyền nhà cửa là một câu truyền của nhà bằng gỗ thông, mỏng mảnh nhưng sạch sẽ, bóng bẩy, không có một tí bụi, chung quanh có một cái vườn con xinh xắn.

Còn ở thôn quê ta, thì trời ơi! câu truyền nhà là một câu truyền tồi lắm, ảm đạm, câu truyền lụp xụp, lờ lờ.

Cái nhà của dân quê ta là cái gì, nếu không phải là một đồng bùn đen chộn lộn cỏ rơm, rác?

Cho cả đến phong cảnh, người ta vật, ở thôn quê ta cũng đều nhuộm cái ảm đạm lấy nước đọng của những cánh đồng phẳng lì, của những hồ ao tù hãm đục lấm — Cái chất bùn nhão nát và bùn thiu ầy ải là cái nguồn sinh lợi của người dân quê. Ta có thể nói dân quê sông vì bùn cũng... cũng như con cá nó sống về nước vậy.

Đã đành rằng người nghèo chỉ có thể dựng được một cái nhà bằng bùn với lá mà thôi. Đã đành rằng cái nhà ấy không thể rộng rãi, to tát được, cái nền nhà ấy không thể lắm bằng thứ khác hơn là lát gạch, lát đá, hay là gỗ — đã đành như vậy, nhưng ai bắt buộc người ta thu hẹp các cửa sổ lại bằng cái lỗ chuột để cho trong nhà lúc nào cũng tối tăm? Ai bắt buộc, trong một căn nhà nhỏ hẹp như thế, lại còn ngăn ra một căn buồng tối om như cái hũ dấm, rồi trong cái buồng ảm đạm, đầy muỗi, chuột, rắn, và cóc ầy, khui rác rưởi mà ngủ với nhau?

Trong nhà thôn quê annam ta, cái gian nào sáng sủa cho phong quang, người mình đã dành riêng cho người đã chết. Người đang sống phải trốn riêng những cái sở tồi tăm nhất để ngủ ngơi sau những ngày công việc nặng nhọc, còn linh hồn những người đã chết, trong lúc ầy, ngang nhiên chiếm giữ lấy cả một gian giữa cao ráo, vui vẻ. Không biết những linh hồn ấy có đến chiêm ngưỡng không, người ta chỉ thấy cái bàn thờ, cái bát hương, mấy cây dãi gỗ bụi bặm mờ.

Trên nhà thôn quê annam ta, cái gian nào sáng sủa cho phong quang, người mình đã dành riêng cho người đã chết. Người đang sống phải trốn riêng những cái sở tồi tăm nhất để ngủ ngơi sau những ngày công việc nặng nhọc, còn linh hồn những người đã chết, trong lúc ầy, ngang nhiên chiếm giữ lấy cả một gian giữa cao ráo, vui vẻ. Không biết những linh hồn ấy có đến chiêm ngưỡng không, người ta chỉ thấy cái bàn thờ, cái bát hương, mấy cây dãi gỗ bụi bặm mờ.

Ái di qua một thôn quê cũng phải ghê sợ vì những cái bàn thiu, rơm róc, bao bọc lấy những căn nhà. Những căn nước đọng càng, đầy rác rưởi, làm cho đất bao giờ cũng bùn lầy, ướt át. Nhiều khi người ta không chịu bước qua cái bước để đi những cái bùn thiu, rơm rác ầy ra ngoài ruộng. Tiền dẫu cắt dây, những đồng ầy đứng riêng ngay cạnh nhà, mùa nước thì bực lên những hơi nặng nề, mùa đông thì tiết ra những giòng nước lười lười.

Người và súc vật ăn chung, ở lộn với nhau, cùng sống chung trong một cái lò ảm, chật hẹp ầy. Những đàn gà giết nhau bởi tung bùn lầy, còn đàn lợn ầy rừng trong đám bùn như lầy lùn thích chỉ lùn.

Người cũng vậy: các trẻ con mình mẩy toàn màu đất, đua nhau lầy tay cây những lạch nước chảy, rửa bới tìm trong đám rơm róc, vĩa dãi, vĩa ruộng những quả bánh mà chúng đã để rơi ruộng đất mây lẩn.

Đôi mắt trẻ ngây thơ kia đã ngấm cái cơ thể trong sạch từ bao giờ... Viễn mắt đó loét, đầy những mụn lấm cho cặp mắt rất ghê sợ, mà trong chỗ bùn lầy như thế, chắc chúng mang cái bệnh khó nào ấy xuống đời.



Người và lợn ăn chung ở lẩn với nhau...

Số 2

Một phố trong làng annam lấy lợi bán thiu

Số 3

Cái cảnh khôn nặn như trên trong cùng hạ du ta không phải là hiếm. Bất cứ đi về một làng nào, một chỗ nào đông người ở, ta cũng được thấy những cảnh

dàng thương tâm như thế bấy ra trước mắt. Đền nổi, bây giờ thấy những đứa trẻ quê bung ông, một toét, đầy nghịch trong bùn nước, người ta cho là một cảnh thường, không đáng lấy làm lạ. Hình như đã nghèo thì bao giờ những đứa trẻ ấy đều phải chịu một cái sở phần như thế.

Ở các vùng quê, người ta còn được hưởng cái không-khí trong sạch, những đường phố mát mát ngoài cảnh đông rộng dãi rào... Đến những người nghèo ở các tỉnh thành thật sông một cái đời trong nhà lúc nào cũng tối tăm, không bao giờ có một chút ánh sáng... Vì sự bó buộc về tiền tài, họ phải chung đụng nhau trong những căn nhà chật hẹp các ngoài ô.

Tôi đã thấy có nhà đến mười, mười lăm căn ở. Mỗi gia đình chỉ có một chiếc giường kê sát với chiếc giường của chủ khác. Tất cả các căn nhà chỉ chứa có một lối đi nhỏ hẹp, mà lúc nào cũng ảm ướt vì gánh nước.

TRONG RỪNG

PHÁP LUẬT



Ở đền pháp-luật, ngay ở những nước văn-minh, người ta cũng cho là một sự phiền phức, rắc rối. Họ kính trọng vô trượng nghiêm của tòa án, nhưng họ bao giờ cũng muốn mỉm cười chế nhạo luật-pháp mà họ coi như ông già lẩn cẩn.

Ở bên ti, ngày xưa, luật pháp đồ thường biết đến chỉ có vài ba người. Còn các « quan » chỉ lấy lẽ công bằng mà xử chứ không theo pháp-luật... trừ ra khi nào họ muốn bóp cổ một anh dân đen nào vô phúc có cái bộ mặt đáng ghét.

Và họ có muốn, cũng không thể làm ăn theo đúng luật được. Là vì bộ luật Gia-Long là một đũa con không ra houn của bộ luật không ra houn nhà Mãn-Thanh. Luật nhà Thanh, ai cũng biết, là một chuỗi luật vô nhân đạo, chỉ yêu-mềm những hình-phạt nặng nề, mưu những cách tra thù ghê gớm, một bộ luật trái với lý luận, không hợp với trình độ dân an-nam đời Gia-long, mà không hợp cả với trình độ dân an-nam đời thường cổ nữa.

Tuy vậy, những ông đội mũ cánh chuồn soạn ra bộ luật Gia-long, vẫn tưởng là đã làm được một công-truhiu vĩ đại, lưu tiếng ngàn thu, nên không dám tiếc lời khen bộ luật ấy, mà họ có cái can đảm vi với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

Mặt trăng, ánh sáng của mặt trăng, có lẽ làm. Còn mặt trời, thì chắc chắn là hóm cỏi ông ấy vẽ râu vào việc để chấp nguyên văn bộ luật nhà Thanh, chắt chắt là mặt trời đi vàng.



Một tốp nhà lá trên ngoại - ở Yên - phư.
Nhà lụp xụp bên những ao tù nước đục lăm...

64

mặc cho bọn này sống trong những số tội tày, âm thầm, dấy bụi bặm và hôi hám.

Ta phải ao ước làm thế nào cho dân quê, dân tỉnh nghèo được có chủ thành thời mà an nghỉ sau khi làm việc. Ta phải hy vọng một ngày kia, những căn nhà tồi, ẩm ướt, sẽ mờ ra đón ánh sáng và khi trời trong sạch cào.

Việt-Sinh

May sao, nước Pháp đến, như lời nói của nhà thi-si nước nam ông Phạm-Quỳnh. Trong gần nửa một thế kỷ, nào điều luật, nào nghị định, nào chỉ dụ đã đem những qui-mô mới làm cột trụ cho pháp-luật mới, hợp với nhân đạo, với công lý hơn.

Nhưng qui-luật mỗi ngày một phức tạp, phức tạp đến nỗi như những người bạc đầu trong án trệ cũng khó mà rõ được lối đi trong rừng luật pháp.

Còn chúng ta, chúng ta không được biết mà cũng không dám biết, luật nào là luật chúng ta phải theo. Không những trong Nam khác ngoài Bắc, ngoài Bắc khác trong Trung, mà ngay ở Bắc-kỳ không thời, cũng đã tùy nơi, tùy người mà luật-pháp thay đổi đi.

Tôi ở ở Nam-dịnh chẳng hạn : tôi là phân tử của Đại-nam hoàng-đế. Vậy tôi phải theo luật an-nam, không được làm điều gì trái với chỉ dụ nhà vua. Nhưng tôi lại được nhà nước Đại-pháp bảo hộ. Vậy tôi lại phải theo luật nước Pháp.

Tôi ăn cắp một con gà. Con gà của người An-nam thì tôi bị họ kéo ra trước tòa Nam-Ân. Nhưng nếu con gà ấy là con gà của người Pháp hay người Nhật, thì họ lại kéo tôi ra trước tòa án tây. Mà điều đáng phục nhất, là cũng mang tiếng ăn cắp một con gà, mà nơi thì tôi chịu luật này, nơi thì tôi chịu luật kia, khác nhau hẳn.

Một điều đáng phục hơn nữa, là nếu con gà ấy của một người an-nam như tôi, nhưng tình cờ được cái hân hạnh ở ở Hanoi hay Haiphong, thì tôi lại phải chịu theo một quyền luật thứ ba, không giống luật nhà vua, cũng không phải là luật Pháp hẳn.

Nếu quân trộm cắp thuộc biết luật như tôi, thì chắc họ chọn người rồi mới đi bắt gà, bắt tôi.

Một tí dụ nữa. Tôi, dân an-nam, lấy vợ là dân tây. Theo luật, con tôi thành dân tây, phải đi lính như trẻ con tây tất cả, chỉ có tôi là vẫn an-nam như thường. Tôi là dân đen đen bị như vậy phải chịu đủ đánh, nhưng còn được Bảo-Đại. Đức Bảo-Đại là người an-nam, Hoàng-Hậu lại là người dân tây. Như vậy, theo luật, Hoàng-tử và Công-chúa sau này sẽ là dân tây hết...
... thành ra, một ngày kia, có thể sẽ có một người dân tây lên ngôi Hoàng-Đế an-nam.

Đó, luật nam, luật Pháp lẫn lộn, rồi sinh ra những kết quả không ngờ như thế. Chỉ kể những điều luật mà ta phải biết để giữ thân trong cuộc tranh sông, cũng đủ làm cho ta sợ thán thán. Vì nó vừa phức tạp vừa tàn bạo trong các quan báo, ta không biết đâu tìm tội được. Và nếu người nào cũng già công tìm thì chẳng bao lâu nước an-nam ai cũng thành trạng-sư hết còn gì.

Xem như vậy, việc đem những điều luật hiện có mà định lại một lần cho rõ ràng và việc cho Nam Bắc theo một luật lệ chung, là những việc cần phải có.

Nếu không, ta chỉ như người bỏ hãnh đi lạc vào rừng sâu, một đêm không có bóng trăng.

TỨ-LY

Những người này bắt buộc phải ở hẹp trong các căn nhà ở tỉnh thành, mà họ không được hưởng những cái lợi của tỉnh thành — Ngoài ở các tỉnh cần coi như cùng nhà quê, mà kém ràng nhà quê cái rộng rãi, khoáng đãng.

Ta thử dạo chơi qua Bạch Mai, Yên Phư, Cầu Giấy là những ngoại ở một thành phố to nhât.

Cũng những căn nhà tồi tệ, chật hẹp, cũng những cũng nước cống đọng ngoài thềm, cũng những chỗ lấm lội, nhớp nháp, cũng những trẻ bán thu chơi nghịch trong bùn lầy....

Trong một khu như thế có tới vài nghìn người ăn ở : những người thợ, người phu, các người làm công nhỏ.... Suốt ngày lấm ỉn một họ trong những sương mù, công sô, tội đến, họ cũng không được một chỗ yên tĩnh, sạch sẽ để nghỉ thân nữa.

Làm thế nào cho người dân quê và người thợ tỉnh có một cái đời sống sung sướng hơn ?

Ở về thôn quê, đất rộng người ta có thềm. Những cái lều để làm nhà cũng không phải quá đắt. Chỉ vì dân quê chưa biết ham muốn sự sống sung, sạch sẽ, chưa biết chịu khổ tìm sự thay đổi cho cái đời mình được khác đi. Những người nhà giàu cũng có một cái kiêu ngạo cũ mà làm nhà ; có một số ít bắt chước làm lối mới. Nhưng họ vẫn không hiểu cái ích lợi của ánh sáng, nên những nhà gọi là mới đó đều như những tổ chim bồ câu.

Sự đề phòng trộm cướp ở thôn quê bắt buộc những căn nhà đồ trở nên những cái kết giữ cửa và đồ cắt trước khi là một chỗ để ở. Cái tính ghen khoang lại bắt buộc các người có của đem cái gian phòng rộng nhất làm một buồng-tàng tiện để chường bày lọ cò, đèn xích và đinh đóng.

Những kiểu nhà giản dị, rộng rãi, phải đóng thời bởi những ý tưởng về vệ-sinh, nhập về chôn thôn quê, mới mong sửa đổi được những nhà cửa của người mình.

Cần phải có một lối kiến trúc hợp với hoàn cảnh thôn quê, một lối nhà, tuy cao ráo sáng sủa, mà cũng không phải tốn tiền nhiều.

Cái kiểu nhà của ông Luyện đã in trong báo Phong Hóa có thể đem làm mẫu cho các nhà ở thôn quê ta được. Người ta nên đề ý đến cái đường bao-lơn chạy trước nhà, cái đường ấy làm cho căn nhà thêm rộng rãi và có vẻ gọn ghẽ xinh xắn.

Ở tỉnh thành, cách sửa đổi lại phải khác. Ở đây không có cách gì hơn là sự sát nhập các ngoại ở, mỗi khi đã lập ra căn phố, vào thành phố, và sự chịu chung những lệ luật vệ-sinh.

Sự bắt buộc làm nhà theo một kích thước nhất định cũng là một cách sửa sang dần.

Nhưng người ta vẫn chưa đem đến cho bọn thợ thuyền một sự rộng rãi, phóng khoáng hơn, nếu người ta không nghĩ đến sự hạn chế số người được ở thuê trong một nhà.

Phải có một lệ nhất định để hạn chế cái lòng ham của các chủ nhà, chỉ cốt nhất nhiều người rony một căn phòng để lấy cho được nhiều tiền,

TRÊN
ĐỒI

HỘI HÈ Đ



IM

Số 5



Ái sắc đẹp cô tiếng và giọng hát tình tứ của những cô gái vùng Nội-Duê, Cầu Lim như có cái mãnh lực khiến cho, hàng năm, cứ đến mười ba tháng giêng, người ta nào nức đến tụ họp nhau ở ngày hội Lim.

Những phong cảnh đẹp ở vùng này đã tạo nên cái vẻ đẹp mộc mạc, kín đáo, lời nói dịu dàng, êm ái và cái tâm tình ngây thơ, đáng yêu, tạo nên một vẻ đặc sắc của vùng Bắc, không thể có được ở những tỉnh về hạ du, dưới chân đồng bằng khô khan, tẻ ngắt.

Xuân đến, với những ngày đêm ấm, có tạm ngừng công việc để vui chơi trong dịp hội hè, đình đám. Mặc cái áo tư thân mới, chỉ cái khăn quấn trên mái tóc đen, thắt cái dây lưng màu cả vàng hay màu lục, có cùng chị em đi du xuân, cũng vui những thú vui mộc mạc.

Hàng năm trên ngọn đồi Lim, có lên giày du đưa mình trong khoảng không, để tỏ sự vui sướng chan chứa trong lòng. Sự vui sướng ấy hiện ra trong đôi mắt lấp lánh, trên đôi má đỏ hồng và tiếng cười trong trẻo, chân thật.

Rồi, với chị em, có cùng hát, hát cái giọng quan họ về những câu tình ái. Có nghe những câu hát êm êm ấy cùng hoà hợp, rung động với trái tim cô, trái tim còn trong sạch và mơ tưởng cuộc tơ duyên đậm thắm.

Những cô gái Lim là cái đặc sắc của hội Lim, khiến cho hội Lim có tính cách riêng không giống một hội nào cả. Người ta chen chúc, xô đẩy nhau vì các cô.

Chỗ nào thấy bóng một cô khăn mỏ quạ, với khuôn mặt xinh xinh là họ kéo tới tập đèn như đàn bướm bên đóa hoa. Trong chớp mắt, cô đã

Trong đôi mắt cô đã rung rung nước mắt — nhưng cô mặt đáng thương của cô không đủ làm tiêu lòng những người yêu cô ấy. Họ vẫn tỏ lòng yêu cô bằng những cách cực kỳ quả báo động.



Số 7

Chợt có hai ông áo the, khăn xếp rẽ rờng rây vào cửa riện. Vừa che chở cho cô, họ vừa tỏ lòng tức giận:

— Các ông khôn nạn lắm!

Tức thì nhiều tiếng đáp:

— Cái gì khôn nạn! Việc gì đến nhà anh?

Thề là hai đảng cãi nhau, đánh nhau.

Còn cô con gái để mặc chị em lời kẻ đi, trên má hây còn ngấn lệ, và trong đôi mắt hây còn vẻ lo âu căm tức. Nhưng cô sẽ rút xuống, nếu cô biết cô có thể tự sánh mình với Chiêu Quân đời xưa, mà cái sắc đẹp nghiêng thành đã là một lửa chiến tranh giữa hai nước Phên và Hân.

Nhưng cũng vì thế mà ngày hội Lim dần dần vắng mặt những cô gái Lim. Năm nay không còn thấy những tà áo phất phơ trên giầy du theo chiều gió. Ngay đến hát đúm cũng chỉ còn lơ thơ một, hai đám.

Mấy cô nào vừa sắp sửa hát là đã bị vây chặt, giữa những tiếng trêu ghẹo, đùa nghịch, các cô vừa sợ hãi, vừa thẹn.

Dù bên nam đã hết lời nói, cái công cây cũng chẳng thừa bớt chút nào. Can đảm hơn, bên nam cất tiếng hát. Cái giọng hát kéo dài, chỉ nghe rõ những tiếng « oi a » và

• Hỡi người tình nhân đây ơ... •

rồi lại:

• Hỡi người tình nhân đây ơ... •

Bên nữ hát theo, cái cái giọng trong trẻo, ngân nga. Tới lắng cả hai tai mãi cũng chỉ nghe thấy:

• Anh Hai ơ... anh Ba ơ... Thề mà... •

• Ơi lại:

• Thề mà... anh Ba ơ... anh Hai ơ... •

và chỉ thấy những cô hát đúm nhấp nháy. May mà có đôi má hồng hồng đỏ đôi mắt đen nhánh của các cô giữ tôi ở lại.

Nhưng lâu cũng chán, tôi ra ngồi uống nước ở hàng một cô xinh xắn, có đôi mắt tình tứ đỏ cũng. Đôi mắt ấy đã quen rồi được bao nhiêu người rúm quanh cô, và mặc họ đùa nghịch, cô thình thoảng lại đưa đôi mắt sắc liếc khắp chung quanh, và cười tít mắt — cười tít đi cô lệ vì đồ hàng của cô, trâu, nước, mìn, bán chạy cô cũng.

Đáng thương hại nhất là ông Hoàng hũu Huy, tay cầm quyền cò sờ cái bút chì, mắt liếc khắp đôi và khắp người cô hàng nước. Ý chừng ông dơi có con chó nào chắt chệp ở-tổ hân. Nhưng chỗ đó không có cái ở-tổ nào, cũng chẳng có con chó nào, nên ông ra ý thất vọng lắm, đành điếu tra về cô hàng nước eBay.

Riêng tôi, tôi thương hại nhất những cô tiểu thư Hà-thành. Chẳng có một ai để ý tới, ý chừng họ coi các cô là những vật thường quá mất rồi.

TRÊN ĐỒI

← Những cô gái Lim đi xem hội Lim...

↓ Một tài tử hát quan họ



Số 8

Sự lãnh đạm ấy có một ý nghĩa mỉa mai: các cô về Hanoi mà khoe tươi, khoe đẹp, chứ ở Lim không phải là chỗ của các cô đâu.

Và đôi đời tôi, ngày hội Lim còn là ngày cái vẻ đẹp kín đáo, ngày thơ thẩn cái sắc đẹp lộng lẫy, kiêu căng, là ngày thảng thốt của những cô gái quê thùy-nhị.

TƯỜNG BÁCH.

RÂM thang giềng

• Lễ quanh năm, không bằng rằm tháng giêng! •
KHÔNG biết những người sung lễ bái có nghiệm thấy không? Nhưng điều chắc chắn là ngày rằm tháng giêng là ngày rằm có nhiều người đi lễ nhất trong một năm. Người ta chọn ngày ấy để đền khấn với thánh cho làm ăn phát đạt hơn năm trước... Người ta xin thánh ban tài, ban lộc, ban phúc và cho tránh khỏi những cái tai nạn xảy ra



Số 6

Cô hàng nước xinh xắn Anh Lê đình Chừ có đôi mắt rất tình tứ

ÌNH ĐÁM

Thời kèn

Số 13



Trên cầu Thê-húc

Số 9

trong năm cũ. Người ta cũng không quên nhắc thánh ra tay trừ phát con ma « khủng-hoàng » đi.

Nhưng đồ chi là lời thỉnh cầu của mấy ông già bà lão, mấy người đã dùng tuổi, quên nhìn đời bằng con mắt thực-tế tham lam.

Mà ngày rằm tháng giêng chẳng phải riêng dành cho bọn họ, chỉ có một món đi xin tài, xin lộc.

Trên cầu Thê-Húc, trước chùa Chân Võ và biết bao nhiêu đền chùa khác, ta còn thấy tha



Số 10

thước nhiều bóng những cô thiếu nữ gầy đêu trong bộ áo mới, nét mặt hân hoan, tay xách cành hương đi lễ bái.

Trước ban thờ thánh, khói bay lên nghi ngút trông xa như đám sương mù, các cô cũng cô lên vào đám đông, khăn, vải. Rồi các cô cũng cô tranh lây thề, cũng rúc, cũng xin, cũng nhờ mấy ông đồ già ngồi sẵn ở cửa giải nghĩa. Các cô muốn xem đầu năm thánh dạy những gì...

« Quê này thương cái, gia sự tốt lắm. Mấy ngôi mộ được cô, còn nhân duyên thì thánh dạy năm nay thì náo cũng thành, mà người chồng lại tài hoa, cần hay, chữ tốt đây. Quê này hay tuyệt. Đầu năm, cô mở hàng cho lão hai hào! »

Cô thiếu nữ thấy nổi lên nhân duyên, bỗng hai gò má đỏ ửng. Cái cô e lệ và mừng rỡ càng làm thêm vẻ mặn mà của sắc xuân, trong tuổi xuân... Rồi hai hào ném ra, cô cô hẹp gì. Nhân duyên thành, chồng tài hoa, chắc cô không mong gì hơn nữa?



Đoán thê Ảnh Lễ căn Thủy Số 12

Và lúc nào lễ, khăn, vải, xin thề, ta còn thấy cô giữ nét mặt nghiêm trang, tư lự, mà lúc trở ra ta, nhận thấy cô đã hớn hở, vui cười, như một đóa hoa dưới màu xuân ấm áp...

Nếu ngày rằm tháng giêng, ngoài tục lễ bái, si sụp đốt vàng hương, còn bao hàm cái nghĩa cốt đến đền chùa cho thánh, phật dạy một bài học lạc quan để đủ sức mà tin một cuộc đời có cái



trương lai tốt đẹp, thì ngày rằm ấy cũng đáng quý hơn những ngày rằm khác.

Và hằng năm, chúng ta vẫn được vui lòng thấy bóng những cô thiếu nữ thước tha trước đền, chùa, đua sắc đẹp với cảnh vật ngày xuân...

N. C. M.

HỘI LÀNG HÀ-LÒI

LÀNG Hà-lôi, quê hương ông Thi Sách, làm lễ khánh thành đền hai bà Trưng. Tiêng đồn rằng sẽ có 150 nam binh đánh nhau với 150 nữ binh, như hồi xưa hai bà Trưng đuổi quân Tô úc đây.

Song những người ao ước được xem những cảnh lạ ít có phải thất vọng. Năm nay không có đánh trận giả, nghê dân ơi, trái với ý ông phò, dân làng không có tiền, nên không muốn làm tốn tiền hàng vạn.

Dân làng mà dám trái với « quan » lẽ cũng là háng-hải, Nhưng ngoài cái háng-hải hơi đáng khen ấy, dân ta còn những cái háng-hải bướng bỉnh khác nữa.

Ý quan muốn: rước công lên trên mặt đất. Nhưng dân vội kêu: không thể được! không thể được! là vì thế sẽ nước cao hơn mặt đình còn gì là sự tôn kính đối với thần thánh nữa.

Dân ta còn chưa biết tổ chức những hội hè cho có ý nghĩa hơn. Nếu khánh thành đền hai bà Trưng, ngày hội cán phải làm thế nào cho tổ là một ngày kỷ niệm cái sự nghiệp của hai bà, cái quang cở cang trong lịch sử nước ta.

Ở Hà lòi, hội hôm ấy chẳng có gì khác những hội thường ở các làng thôn quê. Ta chỉ thấy ăn uống, đánh tổ tôm, điếm, rước sách và tề lễ. Chỉ có thế thôi.

Của dâng tề, xem tề cũng vui mắt. Những ông chủ tề, bởi tề đội mũ có giải, đeo áo thụng xanh, đi hia, mặc cái quần ống cao, ống thấp cỡi đôi bít-tết trắng tinh dự bề cái binh rượu hay cỡi đèn nên tề trên thêm xuống sân, lại từ dưới sân lên trên thêm, đứng lên, quỳ xuống trước ban thờ, trông nghiêm trang, trình trong rõ ràng, những không biết cái nghiêm trang lúc ấy có ích lợi gì.

Có lễ đám này vui nhất

Số 14



Hội làng Hà Lôi, quê hương Thi Sách

Số 11





Cầu Đông-Hưng sang Moncay.
của ta và Tàu cùng xây.

Số 15

Mấy lời cảm-nang của ông Thanh-tra mật thám Moncay.



TÔI tới ra cửa, ông Chalumeau, còn ăn-cần dân thêm mấy câu mà ông cho là cốt-yêu.

— Ông phải cần thận. Sang bên đó, nếu gặp ai gây chuyện thì ông cứ nên giả câm, giả điếc. Nhất là ông nên để hòm ảnh ở nhà. Vì khi ông sang khỏi cầu, một tên lính cảnh sát Trung-Hoa sẽ theo ông đằng xa, nhìn lúc nào ông chụp xong mới chạy lại tóm cả ông lẫn máy. Và ông phải nhớ câu này: đặt Tong Hin không phải là chỗ để cho ông nói chuyện phải, trái. Tòa án Trung Hoa xử rất mau: chẳng mấy ngày không có kèn báo đầu người rung hay một tên thường phạm bị bắn đằng sau lưng.

Còn đám nước thật là cui mắt như xem hát không cần tiền戏.

Vui mắt và lại cui tai nữa. Tiếng kèn, tiếng sáo, tiếng trẻ con kêu, không hòa hợp với giọng xướng «Hưng, hải» khàn khàn như hét hơi của ông tướng tề, thành ra một cái âm điệu rêu rắt, du dương.

Du dương nhất có lẽ là bài diễn văn công nghiệp Thi Sách và hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, (gọi theo tên kiềng ở cùng ấy). Diễn văn dài không phải là của ông Toàn Quyền hay ông Thông Sứ. Diễn chỉ là một ông áo thụng xanh, cắt giọng ề, a ngâm những câu lục bát của một ông khác. Còn chính tác giả thì bác ghê ngồi bên cạnh, lắng cả hai tai nghe bài văn của mình gât gât như cho lá hay lăm, và mỗi lúc ngâm, tác giả lại thúc vào lưng «độc giả» một cái mạnh, tuôn luôn như thể mà «độc giả» cần phải quý yên, không dám kêu ca, cựa cựa.

Song những câu văn tuyệt tác ấy, tôi càng nghiêm nghị càng thấy sâu sa là cứ buồn ngủ dần.

Quanh quần cũng chỉ có thế là hết hội. Nếu không có người báo trước rằng hội làng Hạ-lôi kỷ niệm hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, và ông Thi Sách, thì chúng tôi cũng chẳng biết rằng đã đi xem cái hội gì.....

Trường Bách

Tôi cảm ơn ông Chalumeau, bước ra khỏi sở mật thám. Trông thấy cái hòm ảnh «Ontoflex» kêch sù đang lúc lặc bèn vai, tôi hơi thất vọng. Phải chỉ nó biến hình nhỏ lại bằng hộp diêm thì tiện cho mình biết bao! Tôi đã toan để quách cái «của nợ ấy» ở nhà. Nhưng tôi lại nghĩ: «có lẽ ông này dọa mình! Cầm gì thì cầm, chứ cầm chụp ảnh thì vô lý!!!

Nghĩ như vậy, cùng hai người bạn biết nói tiếng Trung Hoa, chúng tôi ung dung bước một, vượt qua biên giới sang Tàu.

Cầu Đông Hưng

Tong Hin cách Moncay một con sông nhỏ. Con sông này làm giới hạn cho hai nước: Việt, Hoa. Lúc nước cạn trông thấy đáy sông, toàn đá sỏi. Muốn cho tiện lợi sự đi lại, hai chính phủ Pháp, Hoa đã bỏ tiền ra làm một cái cầu sắt dài chừng hơn 100 thước tây. Hai đầu cầu đều có đặt lính canh gác: một bên lính Trung-Hoa, một bên lính Việt-Nam. Từ tám giờ tôi trở đi, cửa cầu đóng lại, không cho ai đi về nữa. Người ta kể

truyện trước kia hai nước vẫn cho đi lại suốt đêm. Từ khi xảy việc biến động năm 1932, luôn luôn có gác cướp bên Tàu sang quấy nhiễu, hai bên đều canh phòng nghiêm ngặt, và tra xét kỹ lưỡng những người đi lại...

Qua búp canh, tôi đưa giấy ra trình viên canh sát đứng coi cầu, rồi lững thững bước sang một thành phố..., tàu đặc.

Tong-Hin

Nơi thành phố, e không được đúng, vì Tong Hin chỉ là một cái làng nhỏ của người Tàu. Nhưng cái làng ấy đem so sánh thì cũng còn to hơn tỉnh lỵ mấy tỉnh bé ở trung châu Bắc-kỳ. Cũng cao lâu, cũng rạp hát, cũng nhà lầu, trên bên dưới thuyền, trông có vẻ náo nhiệt như một nơi đô thị lớn. Được thế, có lẽ vì ở gần biên và giáp giới nước ta, nên việc buôn bán, làm ăn có phần đồ dàng hơn nơi khác.

Không những thế, Tong-Hin còn là quê hương của Trần-Tế-Đường, một yêu nhân của Trung-hoa ngày nay. Ông Tổng đốc Quảng-dông này cũng như các ông Đốc quân Trung-hoa khác, có mười hai vợ, không biết bao nhiêu con, vài mươi triệu bạc và mấy chục vạn mẫu đồn điền.

Lầu nay, chắc nghĩ đến cảnh già, Trần-Tế-Đường cho xe mây chực xe bạc về Tong Hin làm nhà, đắp đê, tậu ruộng.

Mỗi ngày, trên bãi biển Tong-Hin có mấy nghìn phu làm công cho Trần tổng-dốc, nên Tong-Hin tuy bị nạn kinh tế mà vẫn giữ được vẻ rộn rịp xưa...

TONG-HIN

QUÊ HƯƠNG TRẦN-TẾ-ĐƯỜNG

dưới mắt phóng-viên Ngày-Nay

Thành phố Tong-Hin

Qua mặt hai anh lính tầu, đầu đội mũ lưỡi trai, chân đi giày cao xu, quần vải thắm cụt, áo vải thắm mỏng, kéo lê chiếc súng dưới đất, tôi đặt chân lên nước Trung-Hoa. Cái cảm tưởng thứ nhất của tôi là một cái cảm tưởng khó chịu, nặng nề, chán nản.

Đứng trước một cái công cuộc gì giờ giương tư nhiều ta thấy trong lòng như hăm hực, như bất bình. Vì còn có gì đáng buồn hơn là một dân tộc bán khai, dở tây, dở tầu, nhô nhằng, về phương diện gì cũng mới hoá được một phần, còn bao nhiêu những hủ tục nghìn năm về trước vẫn khư khư ôm lấy, coi như những thứ bí vật không thể xâm phạm đến được.



Số 17

Bến sông Đông Hưng

Cho nên, ón vào một nhà Trung-hoa, trông ngoài cửa thì phong quang, đẹp đẽ lắm, mà đến khi bước thêm vài bước nữa, ông sẽ thấy không có chút ánh sáng mặt trời, ông sẽ bị chảy nước mắt vì bệp lam ngay cạnh phòng khách, phun khói ra mù mịt.

Phố Đông-Hưng cũng vậy. Hai bên, nhà cao hai, ba tầng san sát, mà đường xá thì gồ ghề, hẹp hòi, bẩn thỉu. Nước rãnh tràn lên, mùi hôi thối hòa lẫn với những mùi lạp-sương mùi xực-tắc, làm rức mũi khách qua đường.

Đường phố lát toàn bằng đá phiến nhưng lâu ngày, phiến cao, phiến thấp, lúc nào cũng ướt át, âm thấp và trơn như mỡ.

Người đi lại tập nập, chen lấn nhau, như có đinh đâm, hội hè, Phố đã ahạt, người đi lại đã đông, còn thêm một lũ chó, mèo, lợn, gà, bú đủ cũng nhùng-nhằng dạo chơi như khách n haid ngoài phố. Bỗng tôi nghĩ đến một thể giới mà nhân, vật bình đẳng. Nếu có thể giới ấy, Đông-Hưng sẽ được liệt vào hàng-thành phố người và vật thân nhau nhất ở hoàn-cầu.

Hai bên bờ hè, ngoài những tiệm cao lâu, tiệm bán đồ hàng xứ, bán vải, còn thấy là liệt những hàng thuộc bậc phoir nhúng vj thuộc ra trước nơi gió, bụi, hàng cam, hàng quít, hàng tạp hoá bán những thứ bi-tất mấy xu một đôi, những thứ hàng rẻ tiền bằng một phần ba đồ hàng bên ta, những hàng cháo, hàng phở, hàng bánh bao hàng bánh cuốn...

Tổng ầy thứ hàng đóng ngay ở vỉa hè, không có một gì gọi là trật tự. Có hàng bày ngay ở giữa đường, dưới con mắt thân nhiên của mấy chục viên canh sát quân cụt, chạy đi chạy lại, lảng nhảng ở phố như tập thể thao.

Nhưng có một điều mà khách là mới sang Đông-Hưng lần đầu phải nhớ luôn.

Đi xem phố thì tha hồ ông xem, khách ai ngăn cản, nhưng ông không nên lúc nào cũng nghech mặt lên trời. Vì ông sẽ đâm chết con nhà người

ta đang bỏ chơi ở đường. Mà đâm phải một đứa trẻ đang tập đi lờng lờng ở giữa phố, không phải truyện chơi. Cả phố họ sẽ đổ ra bắt đến ông một cách sừng sững.

Tôi quên chưa nói ở Đồng-Hưng, khách du lịch được đi bộ luôn luôn. Không có một thứ xe gì trong phố, từ xe kéo, xe đạp, cho đến xe ô-tô, xe điện.

Như thế, có lẽ lại tiện, vì nếu có một thứ xe gì lưu-hành, mỗi ngày có thể say đi ra vài trăm cái tai nạn rúi rỏ, mà chẳng bao lâu, Đồng-Hưng sẽ mất hết cái vẻ tấp nập ngày thường...

Chụp-ảnh

Từ lúc bước vào phố Đồng-Hưng, tôi mãi nghe, xem, nên quên mất cái gánh nặng đeo trên vai: hòm ảnh Oulifex.

Tương tượng như đóng một vai trong một phim ảnh Trinh-thám, tôi đang đi bỗng quay phắt lại, làm cho người bạn đi với tôi giật mình ngơ ngác, không hiểu tôi định làm trò gì...

Riêng tôi, tôi yên trí sẽ thấy một bảy thăm từ hay cảnh sát theo sát sau lưng để dò xét sự hành động của chúng tôi. Ngạc nhiên, tôi chỉ thấy lũ trẻ những người làm ăn đi lại, chẳng ai thêm trố ý đến mình. Thật vui hơn nữa, một con lợn tưng, to bằng con bê, đang ngoe nguẩy đuôi, thung thình đi sau chúng tôi, như có vẻ đặc biệt được đông chơi trong một nước tự do, nhân, vật bình đẳng.

Tôi mạnh bạo lấy mấy ảnh ra, đeo lên cổ...



Một phố chính
Đông-
Hưng.

Hai cái sào cuối phố là
cột vô-tuyến-diện tàu.

Bị bắt...

Chúng tôi vừa đi vừa chụp, dần dần đến phố chính của Đồng-Hưng. Phố này có nhiều công sở, nên sạch sẽ hơn. Đường lát bằng bê tông và rộng chừng ba thước tây trở lại.

Đang đi, bỗng nghe thầy tiếng máy sinh sịch. Tôi ngừng lên nhìn thấy hai chiếc sào tre cao ngất ngưỡng và trước mặt tôi một cái nhà gạch thấp lù xù, trên tường có đề ba chữ: Vô tuyến điện. Tôi nhận là ba chữ này viết bằng chữ nho.

Tôi mở máy ra ngắm nghía rồi bằm tách một cái. Đẩy máy lại, tôi sắp sửa đi chỗ khác thì thầy một bản tay để nhẹ lên vai.

Tôi giật mình quay lại. Một người lính Tàu, râu sẫm như Hứa Chử, mặt hiền từ, chẳng nói chẳng rằng cầm ngọn súng chỉ tôi đi vào một cái cổng. Tôi ngừng lên nhìn thấy ba chữ: Công-an-cục...

TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA

Ông lang tây trái phép

Cố quân cái «phụ lạp» nầu, mình vận chiếc áo tây tàng, Lê-văn-Quang không có vẻ gì là một ông thầy thuốc có danh. Vẻ mặt sương sương, hốc hắc nhưng ươi ồm lao, vậy mà Quang giả danh làm thầy thuốc cũng được nhiều người tin, thì cũng nên buồn hộ các ông lang tây.

Quang xưa kia đã từng làm «anh-phía-me» — anh ta nhắc lại cái công nghiệp vì đại ý một cách tự đắc lắm — đã từng trông thấy vô số đồ từ tiệm thuốc cho bệnh nhân. Anh ta nhận ra rằng tiệm không có gì là khó cả. Cho thuốc vào ống tiêm, rồi cầm vào đùi, vào mông người ta, thì ai làm chẳng được, — nên anh ta cũng bắt chước chơi. Trước mặt tòa, anh ta chỗi biện.

Quang — Tôi có cho thuốc người ta đâu. Người ta đến xin tôi thuốc uống, thì tôi đã bảo họ tôi không phải là thầy thuốc.

Ông Biện Lý — Nhưng anh có viết cho người ta tờ giấy này không? Tôi đọc cho anh nghe:

- Một hộp Gonacrine,
- Một hộp Iodas-pine,
- Giả hai hộp thuốc tiêm độ năm đồng.

Lê-cẩn-Quang — À, đây là có một người đến nói với tôi rằng mắc bệnh lậu, nên xin tôi cho biết từ thuốc nào dùng để chữa. Tôi thường tình, tôi mới viết cho tờ giấy ấy.

Ông Chánh án — Anh giấu lòng nhân đạo nhỉ. Nhưng anh thường tình người ta mà cho thuốc, chắc người ta cũng thương tình mà vì thành cho anh ít nhiều chữ gì.

• Nói tóm lại, anh nhận có cho người ta một đơn thuốc.

Lê-cẩn-Quang — Tôi không nhận gì cả. Tôi có cho thuốc người ta đâu, người ta khám khoản mãi tôi mới biên giúp cho tên hai vị thuốc mà thôi.

Ông chánh án (mim cười) — Vậy ra anh cho tên thuốc — mà anh không cho đơn thuốc. Thôi được, gọi người làm chứng vào đây.

Người làm chứng, Nguyễn-văn-Khang, là một người lính mặt thắm, mặt đỏ, vai cá ngàng, lực lưỡng như một người phu gạo. Lê-văn-Quang trông thầy, chắc là tức lắm, hiếm vì yếu ớt, nên chỉ tim mặt đi.

Nguyễn-văn-Khang — Tôi giả làm người có bệnh đến nhờ tên Quang này chữa hộ, hẳn ta đòi 15 300 để mua thuốc và tiêm cho....

Lê-cẩn-Quang — Mặt tôi với mặt anh, tôi bảo để tôi tiêm cho anh bao giờ. Anh có bệnh lậu, tôi làm ơn bảo cho anh tên thuốc, chứ nào tôi đòi tiền gì của anh đâu?

Ông chánh án — Anh có lòng thương người như vậy, thì chắc anh cũng đã vì lòng thương người ấy mà tiêm thuốc cho người ta. Nhưng anh thương người ta quá mà tiêm mãi cho người mắc bệnh lậu thuốc iodas-pine, là thuốc chữa bệnh đau phổi, thì người ta đến chết mất.

Vì lòng thương người quá độ ấy, Lê-văn-Quang phải phạt 100 quan.

Đã không lấy làm khó, Quang lại còn hỗn hờ đi ra, như lấy làm nhẹ lắm.

Như vậy, hẳn là lòng thương người của Quang cũng nhẹ lắm.

Từ-Lý

XEM VĂN

« Một đêm trước »
của Tam - Lang

Số 19

Cố NG Tam-Lang, một nhà viết phóng sự có tài, vừa cho ra một quyển sách nhỏ trong có tám truyện ngắn. Ông tam cắt cuốn phim dài về cảnh xã hội, để cho ta xem những tâm tình anh nhờ ông đã chụp được lúc đi quan sát trại mộ phụ sang tân-thờ-giới, lúc theo ông trưởng giả 28 tuổi ngơ trên chiếc xe nhà ở số ra về, lúc gặp người bạn thuật chuyện gia-dình, lúc lang thang trong vườn bách-thú cùng hai đứa trẻ mồ-côi đói rách, hay lúc đứng nghe tên ăn cắp kẻ nông nổi-khó cực trước tòa án.

Trong phần nhiều bức ảnh đó, ta được thấy rõ sự thực, sự thực gồm ghê, buồn thảm của những kẻ ác nghiệt hay những kẻ xã hội khinh thường, xã hội cho là những rơm rác. Ông Tam-Lang thuộc về hạng người không chán ngắm cảnh rêu-rạ của đời, những cảnh xây-xa ta quen thấy hằng ngày, ta nhàm mắt quay đi để khỏi động lòng thương hoặc để khỏi ghê tởm. Ta muốn lấy tấm khăn hoa che đi những vết thương nhộp nhụa, ta muốn treo bức tranh tươi đẹp để không nhìn những cảnh buồn thảm, ta muốn xa hát để lấp tiếng trách móc, bi ai... Song những tiếng khóc lóc vẫn còn, những cảnh lam lũ vẫn còn, những vết đau vẫn còn, mà ta muốn ngủ đi là ta rõ tình quá. Đời có những hồng hoa hương nồng sắc thắm thì đời cũng có đồng rêu cũng nhơ. Người ta cui cười cầm rơm hoa trong bình biao đời là đẹp, thì ông, ông cho đó là một cách tự đắc thì anh mình. Ông cũng muốn như nhà tiên-thuyết Maupassant, soi mói, điếu tào cho ta trông thấy « những đồng phân, những bãi nước dãi chung quanh, đượm hạt mưa bay cả rống mùi lên sặc-sụa ».

Giọng của ông, khi tả những cảnh nhơ, thực dường-dệt mà thán-nhiên. Mặt ông không như mặt nhà họa-sĩ tước bỏ hay thay đổi những nét thô sơ của cảnh vật; mặt ông là cái ông máy chụp hình. Ông lãnh-dam ghi chép ra tả ra cũng bình-dị, cũng lãnh đạm như một người chỉ có việc quan sát mà không hề biểu lộ chút cảm tình.

Tuy vậy, sau khi ta thấy diễn ra trước mắt ta hơn ba trăm người phụ nữ « nằm chung ở lộn, chen chúc nhau như xếp cá, dần dần lẫn dần bà » ở trong một trại mộ phụ chật hẹp; sau khi ta thấy dưới ánh đèn dầu, người chồng có nhàn-dạo đánh cờ như đánh kẻ thù; sau khi thấy hai đứa trẻ đói khát quờ đờ phải đi ăn cắp miếng thịt người ta vứt cho con chó trong vườn bách thú; sau khi biết qua cái đời khốn khổ của một người phụ nữ bị nạn, không còn kẻ sinh-nhai nào tốt hơn là cách ở tù; — sau khi

NGÀY NAY SỐ 3: ẢNH SỐ 18. HÌNH ÔNG TARDIEU LÀ CỦA TRƯỞNG CAM HUỖN

BUÔN...



Một cảnh sông Đông-hung, chỗ cụ Bát mất con....

Câu chuyện buồn người

MONCAY. Một căn nhà gạch kiểu cũ, thấp lè tè, giữa một phò hẻo lánh. Trong nhà có một chiếc tủ trẻ, bên cạnh một cái sập gỗ. Xa hơn chút nữa, bốn chiếc ghế mây quây lấy một cái bàn, trên có một bộ khay chén và một cái đèn ông. Ở giường, ngay cửa giữa đi vào, mảnh bập bênh có đầu sơn chói lọi của nhà vua như muốn khoe với khách cái chức tước quan trọng của chủ nhân.

Thầy tôi đến, cụ Bát vui vẻ ra mời: — Kia, ông đã lại đây. Ông ngồi tạm xuống đây, uống chén nước rồi ta sẽ nói chuyện.

Trong khi đợi âm nước sôi, sự mắt thì giờ, tôi gọi truyền trước:

— Thưa cụ, có em tôi khi ở Tàu về vẫn ở luôn đây với cụ?

— Phải, cháu nó vẫn ở đây. Nhưng sáng hôm nay chầu lại vừa về quá với mẹ cháu, có đồ bên ngoi, có lễ còn lâu mới lên. Song ông cần hỏi điều gì, hỏi tôi cũng được. Tôi sẽ hết sức làm cho ông vừa lòng...

Tôi cảm ơn cụ Bát.

Sau khi uống hết âm chè, chúng tôi đã thành hai người bạn thân. Cụ Bát với cái điều ông kể chuyện...

Nước Trung Hoa là một nước còn giữ nhiều cổ tục. Lâu sống Âu-Hoa chỉ mới đập dờn mây nơi đó thì lớn, còn thói quen chưa thay cái cách được điều gì cho hợp với cuộc đời mới. Bởi thế những tục trái với nhân-đạo như tục trọng nam, khinh nữ vẫn còn mạnh như xưa.

Người Tàu mỗi lần đẻ con gái, họ khổ sở vô cùng, hình như với người con gái ấy, họ đã rước một cái nợ vào mình. Họ phải nuôi từ bé đến lớn, tốn kém nhiều tiền, rồi đến lúc già chống cho con, họ mất đứt cả người lẫn của. Cho nên đám cưới của họ khác đám cưới của ta ở chỗ mấy hôm sập rước dâu, anh em, chị em, họ hàng, bạn hữu, xúm nhau vào khoe lộc để từ biệt người sắp bước chân về nhà chồng.

Họ là con con gái thì lấy chồng không còn có giấy liên lạc gì với gia đình mình nữa.

Cho cưới con, người Tàu không những mất hẳn con, mà còn tốn kém vào đây nhiều tiền.

Họ phải sắm đồ tư trang, đồ ăn thức dùng đủ dùng trong một đời cho con gái họ. Có người cho cưới con phải sắm sửa, may vá mấy năm trước mới kịp.

Hết nợ sắm sửa lại đến nợ ăn uống. Mà ăn uống lại là cái đức tính cốt yếu của người Tàu.

Ròng rã trong bao nhiêu ngày, giàu thì nửa tháng một tháng, nghèo thì ba ngày, năm ngày, họ bày ra những bữa tiệc có sáu, bảy chục món, trông không cũng đủ bội thực mà chết được. Rồi họ hàng, láng nước, bạn hữu xa gần kéo về ăn uống si sụp, cốt cho thỏa cái dạ đầy không mấy khi được đựng những đồ cao lương mỹ vị...

Sir tồn kém về việc gì chống cho con làm cho người Tàu càng ghét sự đồ con gái. Nhà giàu đó ra thì còn gương gạo nuôi đến lúc khôn lớn, rồi mong có người đến rước đi cho thoát nợ.

Nhà nghèo thì chỉ mong đồ con gái để nổi gỏi và giúp việc làm ăn. Vì họ nghèo lắm, nghèo đến nỗi không ai tưởng tượng đến cái cảnh nghèo của họ.

Số 20

Họ ở trong những cái nhà âm thấp, trên đồng bần lầy như nhớt, chung với các giồng súc vật. Xuất năm, mặt trời không hề đến thăm những cái địa ngục tối tăm ấy mà bọn dân quê Tàu như chẳng cần có ánh sáng mặt trời mới sống được.

Họ nghèo đến nỗi xuất ngày chỉ quán quật vào việc làm, không khác gì trâu ngựa để nuôi sống thân mình. Cho nên đời với bọn dân nghèo, đồ con gái là một cái nạn lớn, một sự vô phúc, một cái tai họa cho cả một gia đình.

Rồi nhiều khi vì tình thế bất buộc, biết mình không thể nuôi con cho đến lúc khôn lớn và không lấy tiền đâu để chống cho nó, họ đành bóp mũi đưa con cho chết từ lúc sơ sinh, để khỏi sống một đời đầy đau...

Trong đám bình dân, họ đã sợ không giám để con gái, tự nhiên là số con gái bình dân bên Tàu phải hiếm. Bọn dân nghèo, cây sâu, cuốc bẫm nửa đời người dầm dìm được ít tiền, muốn cưới vợ cũng khó lòng tìm được người vợ rõ tiền mà cưới.

Hỏi con gái nhà giàu hay trung bình, ai chịu gả con cho. Họ chỉ còn một cách mua vợ bằng cái số tiền để



Số 21 Kèn tàu thổi inh ỏi, đó là một cái đặc sắc của một đám cưới tàu.

dành. Mà mua thì con gái annam rẻ hơn con gái bên Tàu nhiều.

Họ mua như thế lợi lắm. Vừa được vợ, lại vừa được đưa đây về để sai, quyền sống, chết ở trong tay họ cả.

Rồi những khi túng bần, họ chẳng ngại gì mà không đem con gái bán n hững người vợ-day-tớ cho anh em bạn để lấy ít tiền làm vốn. Và cái kiếp đàn bà annam bị bán sang Tàu chỉ là cái kiếp những người vợ luân chuyển, xuất đời chịu cực nhục, làm thân, dưới con mắt lạnh lùng của một bọn chồng hồ, không chút tình nghĩa...

Nhà cụ Bát ở gần sông. Ngày ngày, cụ Tý, con gái út cụ vẫn ra bờ sông,

chèo lên những chiếc thuyền để không ở bên, nhảy nhót, chơi bời.

Một hôm, buổi trưa, vợ chồng cụ Bát không thấy cụ Tý về ăn cơm. Cụ cần yên trí có chạy lên chợ chơi trên nhà chú. Nhưng đến chiều tối vẫn không thấy cụ Tý về, cụ Bát hoảng hốt cho người đi tìm thì không thấy đâu nữa... Lúc ấy, cụ Tý mới 12 tuổi.

Cả nhà khóc lóc, cho là cụ Tý chết đuối dưới sông. Rồi thuyền chài câu mồi cũng không thấy sắc cụ Tý. Hai vợ chồng cụ Bát thương con lắm, ngày đêm đau lòng cho linh hồn cụ được siêu thoát...

Tám năm sau, một hôm cả nhà đương ngồi ăn uống. Mọi người đến nói: « gia con Tý còn sống thì năm nay đã hai mươi và vô số người đến đám rồi ».

Vừa lúc ấy, một cô con gái mặc quần áo Tàu, sẫm sẫm chạy vào ôm chèo lấy vợ chồng cụ Bát, khóc lóc ầm-ì. Ai nấy đều ngạc nhiên. Trông khuôn mặt hơi giống cụ Tý thừa nhỏ, nhưng không hề chết rồi còn sống lại được, nên chưa ai dám nhận trước.

Bỗng cô gái Tàu nước nờ khóc:

— Tý đây mà! Thấy u quên con rồi sao?

Thì ra cụ Tý thật. Cả nhà xúm lại hỏi chuyện. Cô Tý ứa nước mắt, kể lại quãng đời tám năm luân lạc ở đất Tàu:

— Hôm ấy con đang chơi ở trên thuyền, bỗng có một bọn « lái thuyền » buồm thuyền đi qua. Chúng nó thấy con đứng một mình, xi xô chỉ chỗ rồi sai thuyền lại. Một tháng to lớn, lực lưỡng, lấy một cái áo vải trùm vào đầu con thật nhanh, rồi bẻ phắt con sang thuyền nó. Con ở ở kêu được vài tiếng, rồi sợ quá, ngất đi không biết gì nữa!

Đến đêm con tỉnh dậy thì đã thấy mình nằm trong một cái lều tranh, chung quanh rừng núi man mác. Bên cạnh con, một lũ khách, nét mặt hung tợn, đứng canh. Thấy con tỉnh dậy, bọn chúng mừng lắm. Rồi lập tức đêm hôm ấy chúng giải con đi. Đường đi ghồ ghề, giẫm lên giẫm xuống. Một ngọn đèn dầu leo lét do một mụ đàn bà xách đi trước, dẫn lộ cho cả đoàn. Con sợ quá không dám nói, còn bọn cướp thì cứ im lặng mà đi... đi mãi. Ba ngày, ba đêm đi luôn như thế, hai chân con đã sưng và dầm máu, mới đến một tỉnh thành đông đúc. to gấp ba, gấp bốn tỉnh Moneay ta.

Đến đây, chúng nó giao con cho một mụ đàn bà rồi tẩu nết vào rừng. Mụ đàn bà dẫn con đến một nhà, qua cái cổng lớn, vào trong thấy vườn được, cây cối tốt tươi, rõ ra một nhà giàu có, sang trọng. Mụ đàn bà nói gì với bà chủ nhà, một lát thầy bà chủ giao cho mụ một gói bạc. Mụ chào rồi đi ra.

Con khóc ầm lức, đôi vè. Bà chủ nhà trông con khóc, chạy lại dỗ con, nhưng nào con có hiểu tiếng gì...

Con khóc ầm lức, đôi vè. Bà chủ nhà trông con khóc, chạy lại dỗ con, nhưng nào con có hiểu tiếng gì...

(còn nữa)

Nhất-Chi-Mai

Bác phác niên Ngày Nay



Số 22

Một đám cưới nhà nghèo của người Tàu ít ra cũng mất đám con lợn quay để đãi họ hàng, bà con...

tiền làm vốn. Và cái kiếp đàn bà annam bị bán sang Tàu chỉ là cái kiếp những người vợ luân chuyển, xuất đời chịu cực nhục, làm thân, dưới con mắt lạnh lùng của một bọn chồng hồ, không chút tình nghĩa...

...NGU'O'I



Số 23

Ảnh Lanvị

XEM VĂN (Tiếp theo trang 7)

ta được ông Tam-Lang lật cho xem những cánh tôi tâm ấy, ta thấy một thứ cảm tưởng buồn chán, căm tức; ta bất giác cảm thương cho cánh khổ và hồn oán cái độc ác ở đời.

Cũng một giọng thần-nhiên ấy, khi ông Tam-Lang kể chuyện một ông phán lương tháng trâm rưỡi bạc, quên cái nhọc bị người trên sự tàn nhẫn để giữ cho vợ con no ấm trong cảnh giầu sang; ta lại thấy cái mỉa mai thoảng qua. Ta mỉm cười như ta cần thường mỉm cười khi thấy một bậc hoạt-họa khôi-hài cợt rất giỏi.

Vậy thì những cô mĩ-mai, lòng bạc tức hoặc buồn rầu kia, chính là những tình cảm soạn-già mong gởi cho ta có. Mà như thế là soạn-già đã đạt được mục-dịch nghệ-thuật của mình.

■
Nhưng dù tôi mến tài và mến tâm lòng thương người của ông đến đâu, tôi cũng không khỏi có điều phân nân. Tôi phân nân rằng người thiêu niên du học (trong truyện « Chàng phụ lòng ») là một bức ảnh mờ, chụp và rửa chưa đúng cả ánh sáng lẫn ở truyện « Đời thiêu-niên » là một người yêu tâm hồn, dùng những lý thuyết về tiền đề cho mình mất hết nghị-lực. Có lẽ đó là lỗi ở người trong truyện, chứ không phải lỗi ở ông. Nhưng điều tôi trách ông hơn cả là sao ông không dành riêng lời văn « chụp ảnh » kia để tả riêng những điều có thực, những điều mắt thấy nó thích hợp với tài ông hơn? Ông quan sát những cảnh bên ngoài rất tinh vi, song ông lại muốn trông vào tâm gởi

người ta nữa. Mà khi ông tả nỗi lòng người thì tôi buồn mà thấy ông hơi mơ hồ.

Ông tưởng ở đời này có thể có một người thiêu nữ sắc, tài, được bao nhiêu người yêu quý mà trái tim không thôn thĩc, « lừa lòng đã tắt » được ư? Tôi vẫn biết cô Kiều-oanh trong truyện của ông hời còn nhỏ, một buổi tôi kia thấy ông Phan ở cùng nhà với cô dành vợ một cách phũ-phàng quá; tôi cũng ghê tởm cho thói cũ-phu của chàng chồng hèn mạt ấy, vì ông ta rất khéo cả rõ ràng; tôi lại biết rằng cô trợn dòn kia mà bà phán mang bệnh nặng đến chết. Song chỉ vì thế, chỉ vì cái cảnh tàn ác nhìn trộm qua khe cửa ấy cũng đủ làm cho lòng Kiều-oanh nguội-lạnh, thì tôi không tin. Có lẽ người ta kính sợ cảnh chồng con, có lẽ người ta ngờ vực người đàn ông trong chốc lát, nhưng người ta là đàn bà, lại đẹp, lại có tài, mà có tài là nhiều tình cảm. Cái tiếng du dương của tâm hồn thế nào chẳng rêu rất, khiến cho bóng trăng thành ảo yếm, khiến cho cánh hoa bay nên thơ... rồi một lần mất dịp-dàng với tiếng thở dài của ai cũng đủ cho người ta quên, người ta say đắm. Cô Kiều-oanh phải là người như thế; cô sợ yêu, song cô không thể bắt lòng được yêu. Bởi vì trước ái-tình, người ta chỉ là con chuột trong truyện ngụ ngôn, con chuột biết rằng miếng mồi trong bẫy kia nguy hiểm vô cùng, nhưng lại biết rằng miếng mồi có vị thơm ngon không thể nào bỏ qua được. Cô Kiều-oanh của ông Tam-lang đây lại làm như người đã lần lóc trong tình trường, đã cay đắng vì trăm phen bị lừa dối, đã mong mỏi bao lần và đã bao lần thất vọng, nên mới có thể nói trắng ngay một câu đầy sự chán-

nản là: tôi không yêu! Thế mà cô mới có gần 20 tuổi! Không! Cả tâm tình tôi, cả bản-năng tôi đều kêu lên rằng: không! không thể thế được; cô yêu, không thì cô chẳng phải là người.

Máy sao, một người đàn bà khác trong sách ông Tam-Lang đã yêu. Đó là Nguyệt-Minh ở truyện cuối.

Nguyệt-Minh là một kỹ-nữ được Trần-Sinh lấy làm vợ. Làm vợ tam, vì Trần-Sinh cần để lòng thành-thực thương yêu một người khác, đã cùng chàng hẹn cuộc trăm năm. Cuộc chưa thành nên Trần-Sinh buồn rầu đến ốm nặng. Một lá thư đưa đến báo cho chàng biết người chàng yêu đã làm siêu lòng cha mẹ và xin được phép kết hôn với chàng. Bức thư ấy sẽ là lần thuộc tiền cứu mệnh cho chàng, nhưng Nguyệt-Minh « giữ lại », rồi xé đi. Nàng xé đi là đã giết chàng. « Vì quá yêu » chăng, đó là câu soạn-già dùng để tha thứ cho người đàn bà khó chịu ấy. Mà vì thế, soạn giả đã làm tôi phiền lòng. Tôi muốn Nguyệt-Minh biết yêu một cách thật thà kia! Biết yêu và biết thương, biết hy sinh cho người yêu để đau khổ mình mà cần hưởng được chút hương vị của sự đau khổ: nàng không muốn thế. Đến cái lúc bị-dắt ghê gớm người tình nàng hấp hối, mà nàng vẫn không thấy trong lòng nhô lên chút ánh lửa đại lương, mà nàng không có tâm lòng rất đáng cảm động của người lính cứu cốt kẻ thù tác trong giờ sau cùng. Vì nàng là một người đàn bà ư? Không! nàng là một nhân-cát tương đương ra, một nhân-cát mơ hồ mà trái đất này, nền sản xuất ra, ta sẽ coi là một thứ mị-quái.

Thế Lữ

ĐAU DẠ DÀY PHÒNG TỊCH

Ấu chậm tiêu, đầy hơi, hay ợ, vàng da, đau bụng, đau lưng, đau ngực, trong bụng ợc ách như có nước nhiều là vì người yếu, phóng dục quá đà, ăn no ngủ ngay, hay nghĩ nhiều quá, làm cho can khí uất kết, khí huyết tích tụ, mà đau dạ dày, hồ uồng đên thuộc này đều khởi hân, vì nó chứa đên tận căn bệnh, cho nên đã nhiều người, cả người tây, người tầu, đã uống qua, đều công nhận là hay nhất không thuốc nào bằng. Giá mỗi gói **0\$40**

Mới phải **TUYỆT NỌC**
uồng thuốc số
19 giá **0\$60** **LẬU, GIANG**
đã lâu, kinh

niên uồng tuyệt nọc giá **1\$00**
uồng làm hai ngày, thuốc mới chế.
Chứa khoán, đảm cam đoan ba ngày hết
đau, tuần lễ tuyệt nọc, ở xa mua thuốc
uồng công hiệu không kém gì. Giang
mai **1\$00** 1 ve, 4 ve, khối. — Cai nha
phiên **1\$00** 1 ve, 3 ve chứa hân. — Khí
hư, bạch đới **0\$60** 1 ve, 5 ve khối.

KIM - HƯNG
DƯỢC-PHONG

81, Route de Hué (Phò chợ Hòm), Hanoi

Tuyệt hết bệnh lậu, giang

KIỆN TINH TRIỆT NỌC

Thứ thuốc Kiện tinh triệt nọc số 68, của nhà thuốc **BINH-HƯNG**, ai là người chẳng biết. Như các người phải chứng **Lậu, Giang**, di nọc còn lại, nước tiểu khi trong, khi vàng, hay thức đêm, làm công việc gì nhọc mệt, hình như bệnh phục phát. Có người lại thấy đau xương, mình mảy mổi mệt, mà bệnh giang thảy giắt thit, nổi mụn đỏ, có khi tọc lại hay rụng. Thì dùng ngay thứ thuốc kiện tinh triệt nọc giá **1\$50** một hộp là khỏi. (nhé 4 hộp, nặng 8 hộp) còn người bệnh mới phát (période aigue) sưng, tức, buốt, đau, đi đái giắt; dùng thứ thuốc **Lậu số 58 0\$50** một lọ, chừng 5, 6, lọ là khỏi hẳn.

BINH HƯNG

87, NEYRET (phố cửa Nam) HANOI
.. (xế chợ cửa Nam Trông sang) ..

Có phát sách thuốc nói về các chứng bệnh, khắp mọi nơi, ai muốn xin, hoặc hỏi về bệnh gì xin đính theo timbre **0\$05**

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

NGÀY NAY

Sáng lập: NG. TUONG-TAM

Giám đốc: NG. TUONG-CAM

GIÁ BẢO

MỘT NĂM SÁU THÁNG

Đồng-dương .. **3\$00** **1\$60**

Pháp và thuộc địa. **3. 50** **2. 00**

Ngoại quốc .. **6. 50** **3. 50**

Thư và ngân phiếu gửi về:

M. Nguyễn-trường-Cầm

55, rue des Vermicelles, HANOI

Cùng các ngài m a năm báo Ngày Nay.

Ngài nào đã gửi giấy mua năm mà chưa trả tiền, xin kíp gửi ngay ngân phiếu về cho. Nếu không nhận được ngân phiếu bản báo vì tình thế bất buộc sẽ phải đình sự gửi báo.

Ngày Nay cần cáo.

CUỘC THI

Gửi ảnh đẹp về NGÀY NAY

Thẻ lệ: Gửi về cho bản báo một hay nhiều bức ảnh mà các bạn đã chụp hay sưu tầm được. In lớn hơn khổ 9x12. Nhỏ hơn, phải kèm thêm tấm kính. Mỗi tấm ảnh có vài lời chú dẫn vắn tắt nói về nơi và ảnh đã chụp.

Bản báo có quyền đăng những ảnh ấy vào NGÀY NAY, và sẽ rút ra một bản để định thưởng Anh nào in lên báo sẽ để tên người gửi.

Hạn dự thi đến 20 Juillet 1935

15 giải thưởng: 100\$00

CUỘC THI

chọn ảnh đẹp trong Ngày Nay

Thẻ lệ: Các bạn cứ tùy thích của mình chọn trong các ảnh đăng ở 6 số báo đầu lấy 10 ảnh và xếp thứ tự 1, 2, 3... cho đến 10 và biến vào lá phiếu đăng trong báo, cắt lá phiếu ấy gửi đến nhà báo.

(Bất cứ ảnh nào trong 6 số báo đầu đều có chưa số riêng).

Bản báo sẽ do những phiếu gửi đến làm một cái bảng kiểu mẫu về thứ tự nhất, nhì các ảnh. Thứ tự trong phiếu của người dự thi nào đúng trong bản kiểu mẫu nhiều hơn hết là được.

10 Giải thưởng:

Giải nhất. .. **15\$00** — Giải nhì. .. **10\$00**

Giải ba đến giải 10: một năm báo NGÀY-NAY

hoặc một năm báo PHONG-HOÁ

hoặc sách của ĐỜI-NAY xuất bản, đáng giá **3\$**

NGÀY NAY SẼ CHO RA

NHỮNG SỐ ĐẶC BIỆT

Nói về những việc quan hệ trong

XÃ HỘI NGÀY NAY

AI ĐỌC "ĐỜI NAY"

.. Không biết các sách Khoa-học ..
"VÌ NƯỚC" SAU ĐÂY CÙNG LÀ:

ề bộ Công-Nghệ có: Dãy làm
40 nghề ít vốn **2\$00**, 30
nghề để làm **1\$50**, Kim-khi
và cơ-khi **0\$80**, v. v. ..

ề bộ Thê-Thao có: Tập võ Tầu
(1 à 5) **1\$75**, Võ Nhật **0\$50**,
Võ Ta **0.40**, Võ Tây **0\$80**,
Dãy đá ban **0\$30**.

ề bộ Y-học (làm thuốc) có: Y-
học từng thư (1 à 10) **5\$00**,
Sách thuốc kinh nghiệm
0\$50, Xem mạch **1\$00**, Đũa-
bà **1\$00**, Trỏ-con **1\$00**, v.v.

ề bộ Thôn-học: Dãy Thối-miền
(1 à 5) **2. 00**, Vả T. M. Nhật-
bản **0.50**, Trường sinh Thuật
0.50, Dãy lầy Sô-Từ-Vi **1\$00**.

ề bộ Mỹ-Thuật có: Sách dạy Đũa-
huê và cải-lương **0\$50**, Sách
dạy vẽ **1\$00**, Dãy làm ảnh
1\$00, Dãy làm văn thơ **1\$20**.

ề bộ Lịch-Sử có: Bình-tiên-Hoàng,
Lê-dại-Hành, Hùng-Vương.

ề bộ Doanh-nghiệp có: Những điều
nhà buôn cần biết **0.40**, Thương-mại kê-
toán chỉ nam **1\$50**, còn các thư lĩnh tinh
như Nam-nữ bí-mật, Gia-lễ, Học chữ
tây, v. v. .. Ngót 100 thư, xa thêm cước.
Mua buôn có trả huê-hồng, thư để

NHẬT-NAM THƯ-QUẢN

HANOI - 102, Hàng-Gai, 102 - HANOI

Thuốc trị ba chứng đau bụng khác nhau:

DẠ - DÀY, PHÒNG - TỊCH, KINH - NIEN

Đau tức giữa ngực, lợi chói qua sau
cái, rồi đau liên xuống ngực thất lưng;
ợ hơi lên cổ, có khi ợ ra cả nước chua;
có khi đau quá nôn cả đồ ăn ra nữa, hề
ợ hơi hay đánh trụng tiện thì đó; đau
như thế gọi là đau dạ dày (đau bao tử).
Đau bụng trên hay bụng dưới, cơn
đau rất dữ dội; đau độ nửa hay một
ngày thì đó; cách mấy ngày hoặc một
tháng đau một lần; đau như thế gọi là
đau bụng kinh niên.

Đau chồi chồi bụng dưới, có khi tức
suốt xuống hạ nang, một đôi khi ợ hơi
lên cổ, ngày đau ngày không; ngày
muốn ăn, ngày không muốn ăn, lo lắng
thất thường; sắc mặt càng cợt hay báng
bạc, da bụng đầy bì bạch; đau như thế
gọi là đau bụng phóng tích.

Ái mủ phổi, hãy ợét thư kê chứng
bệnh thật rõ gửi cho bản hiệu, sẽ gửi
thuốc bằng cách lãnh hóa giao ngân.

Thư từ cả Mandat để:

Nguyễn-ngọc-Am, Chủ hiệu:

Điều Nguyễn Đại Dược Phòng

121, hàng Bông (cửa quyền) HANOI
Đại lý: Sinh-Huý, 59, rue de la Gare -
VINH; Quan-Hải, 27 rue Gia-long-HUE.
Nan-nam marché DALAT. Minh-quyết
rue Gia-long, PHAN-THIỆT. Vinh-
Xương 19 rue du Commerce K.L.N.-AN.



Trong làng «chạy»...

(Tiếp theo)

Phóng sự giải của Trần-trọng-Lang

Đây là một thiên phóng-sự, tả cái đời sinh hoạt và những cách hành động những mưà hay, chức lạ của bọn «ăn cắp» từ nhà quê đến thành thị

Bán áo, ma-cô.



MỘT thằng, trạc ba-mươi tuổi, lại gần tôi:
— Bác mua giúp em cái áo «tích-cô».
Tôi đáp:
— Đưa xem đi.

Nó vạch cho tôi coi một ít vải áo, và dúi 16 xu. Ngay lúc đó, tôi chợt nhìn thấy một thằng, ăn vận như thằng giò bẹp, giò nhỏ, một tay thu vào học từ xa đi lại đều đặn một mụ bán dưa miêng. Để ý nhìn kỹ thấy nó đưa ra một cái tống-dờ còn bọc giấy bóng, cho mụ cắt vào một cái rổ trên dãy mệ dưa.

Thằng bán áo rục tới:
— Nào lấy chứ!裳 này từ sáng chưa nhai, nên phải bán tống, bán tống...
Tôi chợt nhớ là đang dúi xem áo, lấy ra mảy xu định dúi nó, theo cái tình thơ từ, hớ bi.

Thì,裳 xa, một con bé cấp rỏ đi lại gần mụ bán dưa miêng này. Nó ngồi thụp xuống, giờ ra một rổ táo tây, vừa «hiếu» (lầy) được.



Thằng bán áo thấy tôi nhìn con bé mang táo, mỉm cười:
— Đàng ấy muốn phóng?
Tôi ngạc nhiên hỏi:
— Muốn gì?
— À, «dượt» (gái đi) kia chứ gì? Nó chỉ vào con bé.

Tôi bật cười. Nó thán một lăm, ghé gần miệng vào tai tôi kéo dài:
— Đồ l...á...ám!
Một tiểu-thử chợt đi xé qua phố, tôi nói đùa:
— Đây thích «dượt» kia cơ.

Nó nhìn theo xe, nhún mũi lại một lúc, rồi nói:

— Cái ấy để rồi thùng裳 «mơ» sẽ đưa đến hồi «yêu xích em...» (tôi sẽ nói đến yêu xích em, đầu mụ của các yêu).

Tôi không tiện hỏi thêm nữa, vì không hiểu làm sao, nó đã nhìn tôi có vẻ ngờ ngợ.
Áy là tôi đến đứng ở phố Mới, chưa được một buổi sáng.

Người ta đã phản cách xa đám cỏ may già, những bóng lúa non mọc tự nhiên mà người ta hy vọng có thể đâm bông có ngày. Người ta đã nghỉ đến việc giáo hoá những trẻ bơ vơ bằng cách rèn luyện những tâm hồn ấy trước ánh sáng của con đường chính.

Nhưng người ta không nghĩ đến những sự bất công của xã hội.

Làm mới cho luật pháp, được cải hoá nên người lương thiện, rồi lúc bước chân ở nhà giam ra, đóng vai những «con chiến» trước một xã hội «chó sói».

Có đứa muốn làm con nuôi của pháp luật mãi mãi, còn hơn làm con chó trước mặt người đồng loại.

An cấp, ở trường hợp này, lại chỉ là một cớ để được ăn trọn miếng cơm hàng ngày, trước ngon rồi da ngày thịt của cái ngục.

Những hạng đó, ta nên phân biệt với cái hạng «chạy» nó đã từng làm cho ông tù nghỉ giữa đường, đã vừa giận vừa tức, mà còn phải huýt miệng kêu rằng:

— «Hừ, tài thật!»

III

... Đến một裳 «chạy» gia truyền:

Cảnh «chạy» K. T.

— «Mày «mời» thế, nó đánh bỏ bô!»

Tôi vô tình nghe lọt câu gắt đó từ trong một nhà tranh ở ngõ M...., K. T. đưa ra.

Nghe ra giọng «chạy», tôi dừng chân lại, rồi bước vào một nhà quen, cậy vách dóm sang.

Một裳 bé trạc ngoài mười tuổi đang học... ăn cắp. Giờ «mời cá» bằng hai ngón tay (mời cá: móc ví).

Bỏ nó, ông thầy dạy, để một cái ví cũ trong túi, đóng vai khách qua đường, lắc đầu nhìn裳 con soay quanh mãi: hai ngón tay nó còn cứng quá, nên móc ví còn vụng và chậm lăm.

Nghe có tiếng động, ông khách qua đường ngừng mặt lên nhìn về phía vách. Tôi chợt nhận ra裳 Nh....,裳裳 đã từng bị các bạn Nam-kỳ đánh cho một trận thừa sông, thiêu chết giữa hóm dăm tang cu Quận.

Một ngày khác, trên bậu cửa một nhà lá kia, một con bé, đầu lười thắm thè ra ngoài mội, đang dăm dăm nh n một lủ trẻ vùng vầy, nó dúi ở dưới ao. Hai tay nhỏ nhắn vụng vèo một cái thất lưng lủa cũ.

Chợt có một tiếng quát:

— Cút sênh một cái lá đã lên ra cửa!

Mẹ nó không muốn cho nó đem đồ chơi ra cửa. Cũng như người lính cho con chơi súng gó, bỏ mẹ «chạy» cho con chơi với cái thất lưng.

Mà, khôn ngoan, con bé mới ngồi với sạch sai.

Trong bài học «chạy», mội vi, cắt hầu bao, là vụn bằng. Tập môn này, cốt làm sao cho hai ngón tay phải rỏ, lanh lẹ là được. Đến thời kỳ tập «khai» (rạch túi), «nảy» (cắt khuy, rứt đứt giây vàng,...) là bắt đầu sang văn trác, khó khăn hơn.

Cái «bút viết».

Rạch túi bằng hai khi em: đồng trinh và con dao dip.

Đồng trinh, to như đồng Khải-dịnh, chúng mãi về một phía, theo đường kinh, để làm lười.

Lưỡi dao mài một bên裳裳, một bên vệt như lưỡi bào. Chúng mãi dao hàng giờ bằng đầu lặc, nên sắc như dao cạo. Thứ dao, chúng chỉ sẽ gây lười vào cánh tay áo, vải đã bị khía rách ra rồi. Ở số nhà một dân «chạy», người ta th rờng thầy một miếng vải, bím bỏ những vết khía, vì trọn được con dao tốt, không phải để.

Đồng trinh bây giờ đã nhường chỗ cho dao, như bút lông trước ngòi bút sắt.

Khai túi bằng dao, chúng gọi là: viết bút, hai tiếng thật là vụn vè thay!

Ba môn: «nảy, viết, mội», tuy khó mà hoá

đồ. Nó chỉ cần trác luyến, còn sự rỏ rang thì đã đánh tré nào cũng có.

Chỉ lướt qua người ông làm sao cho vừa viết, vừa mội mà không chậm hơn cái chớp mắt; cái công ma-luyến cho đến tài ấy không phải trong dăm bữa, nửa tháng mà có được.

Cái khó nhất trong nghề, đối với những khôét óc đặc như bí, môn mà thi hành ra phải để hết tinh thần, tâm trí phải khôn ngoan, lanh lẹ, tức là môn bảy mư, lạp kẻ.

Vì nhiều khi phải giờ đến mư mợ mới lột nổi một «vàng» (khách) được.

Vì vậy mà những hình tự, quần sự, yêu xích cu của裳 «chạy» đều là đệ tử của bà «thần đen», nên không có tài nói dai bất tuyệt thì cũng rất giàu tư tưởng, mư tré.

Khỏi tưởng phiên đã đưa chúng đến con đường bất chính, thì hồi «kèn nẹp» (thuộc phiên) phải cần để riu chúng trên con đường mư sinh.

Một cụ đồ

Người coi giữ «cầm nang», ông Đại-sư-bà của làng chạy K. T., vừa là một tay «ăn» thuộc năm, vừa là một đạo-tràng của Không-giáo.

Bao nhiêu năm chạy chọt, bảy giờ cạo lão, về ngồi giấy trò, giấy các món không thầy giấy ở Túc-thư, Ngụ-kính, đi trái đường về sân của Không. Mạnh.

Học trò của trưởng chạy, phân dồng là con cháu trong nhà. Nếu có đĩa ngoại tộc thì được liệt vào hạng con nuôi. Như những trò nghèo ngày xưa, chúng trả tiền học và tiền cơm thay bằng cách hầu hạ điều dóm.

Đến tuổi đi «văn chuyền» được, chúng đi thực hành: cấp rỏ, «thần» (nhét vào người) hàng cho các trưởng-tràng, học kinh-nghiệm trước các thầy «cơm» (cơm tày: đội-xếp, mặt-thăm tày; cơm gái: mặt thắm; cơm cệ: đội-xếp).

Rồi, lúc đã có tài, thực hành khoa khô học hơn, là đi «rọc» (trên xe hoá, tàu thủy).

«Hiếu» (lầy) được dồng nào, môn hàng nào, đem về dúi đủ nộp thầy.

Người ta hỏi: chúng có thể bớt xén đi để tiêu riêng裳裳? Không thể được. Vì sao? Bì chợ hay đi rọc, chúng đi thường là hai, ba đứa. Lấy được bao nhiêu, nào có đĩa nào phải hồi đưa nào. Xó đường kia, đầu, toạ nọ, anh «so tóm quố» (anh có của quích) đang cụng chiêu cụng cách rất mạnh bạo, đau đớn: Ôi làng nước ôi 10 đồng bạc, thật là vừa gây vừa hao, «nó cắt có, mớ hòng, nó giết tôi, nó lầy của tôi rồi...»

Cái tiếng cụng chiêu ấy, rồi tr móm một đĩa sẽ lộn đén tai thầy.

Đến lúc biết nghĩ đến việc thừa-tự, chúng lầy vợ ra ở riêng, độc-lập sinh-nhai, nhưng, những ngày đó, tết, ơn thầy chúng không hề quên.

(Còn nữa)



Mùng tết thế nào là thiệp...

Việc mừng tết, xưa nay ta hay dùng các thứ trà và các thứ rượu ngoại quốc, hàng năm ta đã gánh vác đi đò kẻ có bạc triệu, thực là ta mừng tết một cách khờ dại, vô ích. Ngày nay là buổi văn minh, mọi sự đổi mới, sự dùng nội-hóa là mầm mống rất tốt cho sự dấn mạnh nước nhà. Thì sự mừng tết ta nên dùng thứ rượu thuốc **NỘI-HÓA** là rượu « **HÔI-XUÂN-BÁCH-BỒ** » chai lớn giá **1 \$ 20**, chai nhỏ giá **0 \$ 60** dùng xươg hổ-cốt và các vị thuốc rất quý mà chế tạo ra, mùi thơm vị ngọt, khí vị đậm đà, uống rất thanh nhả, bổ khí huyết, dưỡng tinh thần, chống tiêu hóa, bổ tì vị, bổ thận, bổ phổi, cũng gần cốt, hoạt mạch máu, khu phong trừ thấp, chữa được các chứng đau mình, đau lưng, đau xương, đau gân, đau da-giấy, đau ông thân hư, tinh khí yếu, tinh dục kém, đàn bà huyết hư, kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, người già sức yếu, đàn bà mới sinh, người ốm mới khỏi, trẻ con gầy yếu chậm lớn, v.v. đều nên dùng rượu này rất tốt, người vô bệnh dùng để bổ khí huyết rất mạnh. Vừa là thuốc bổ, vừa là rượu mùi, dùng khi ngày hội, ngày tết, khi yến tiệc, hoặc làm quà đi lễ, đi tết rất nhã rất quý, không như các thứ rượu khác mà ngoài chất ngọt, mùi thơm ra không còn có bổ ích gì nữa. Kính xin đồng-bào chiêu cổ đề dư lấy mỗi lư cho nước nhà, chúng tôi cảm ơn lắm.

CÓ BÁN TẠI

Nam-thiên-Đường, 46 phố Phúc-kien Hanoi. — Mĩ-Linh, 62 phố Cầu-đắt Haiphong. — Nam-thiên-Đường, 140 phố Khách Nam-định. — Vinh-hưng-Tương Vinh. — Vinh-Tương Huê. — Hoàng-Tá Quỳnh. — Thanh-Thanh, 120 đường la Somme Saigon và ở các nhà Đại-lý Nam-thiên-Đường khắp các tỉnh xứ Đông-Pháp.

DU'OI BÓNG

(Tiếp theo)

Truyện giải



ÚC lại cười:

— Ở nhà quê chúng tôi có ai làm nghề vác hòm dẫu mà ông thuê. Thôi để cho anh Sợ với tôi không về đây.

Thanh bắt đầu để ý đến lời nói hồn nhiên và cục mịch của Cúc. Chẳng nghĩ thêm: « Dám chắc rằng có gì xinh xắn kia một chữ A không biết, một chữ nhất không hay ». Chẳng liến hỏi:

— Có có được được người không?

Chợt nhớ đến lời nói của người lính trạm, Cúc bèn lên cúi đầu đứng im.

— Vậy ra có không biết được người?

Cúc se se đáp:

— Không.

— Phải học chữ.

Cúc chưa thẹn chạy lên đường quay lại báo Sợ đi theo, rồi hai người vào hàng kiếng cái hòm của Thanh ra. Thanh với nói:

— Ấy, có để tôi kiếng với anh Sợ.

Cúc cười đáp:

— Thôi, ông cứ mặc tôi.

Thanh lấy làm ngỡ ngàng về nỗi sai một người con gái nhỏ làm việc nặng cho mình, nhất định không để Cúc kiếng hòm. Nhưng Cúc chau mày nói gọt:

— Al lại thế. Ông giáo đi kiếng hòm, người ta cười cho. Ông đi mặc tôi.

Rồi, ba người rẽ xuống con đường tắt, con đường ngoằn ngoèo bỏ thế những bờ ruộng, những bãi tha ma đầy cỏ đồng.

Đi sau, Thanh nghĩ ngia nước da hồng hào của Cúc, nghĩ thêm: « Ở nhà quê khoảng vắng nên người ta được mạnh mẽ, nở nang. Chỉ tiếc có Cúc trông có vẻ nhỏ nham nhẹn, thông minh lắm thì phải, có sao lại chịu dốt nát, cục mịch như thế được? ».

Chàng đương mãi theo đuổi những tư tưởng liên miên thì đã thấy Cúc đặt cái hòm xuống đất mà xừng xộ với hai người đàn bà đứng tắt nước ở bên cái rãnh xô qua đường:

— Mù hay sao mà vung bản cả nước vào người ta thế này!

Một người trong hai cái lại:

— Có mù ày có được không, mắt để dẫu mà không trông.

Tức thì Cúc buồm lời chửi rủa cục súc tục tằn. Thanh vội chạy lại can, Cúc mới thôi và chịu cùng thẳng Sợ lại kiếng hòm lằng-lằng

đi. Đó là sự lặp lại thứ nhất của Thanh với cái đời thôn dã mà chàng mở nước, cầu cạnh bấy lâu. Chẳng có cái cảm tưởng là lạ rằng mình sẽ sống ở bên cạnh những sự ngày thơ trong trời xanh lẫn với những sự thô lậu quê mùa.

Sáo diều từ trên không vẫn lạch lùng gieo xuống cánh đồng những tiếng đều đều. Thanh như cảm thấy rõ rệt cái biểu hiện của đời dân quê buồn tẻ.

Ở thành phố, ngày khai trường bao giờ cũng là một ngày tập nập, nhộn nhịp. Sau ba tháng hè vắng bật bóng học sinh, người ta lại thấy đường phố nhan nhản những cậu bé, cô bé cắp sách đến nhà trường, truyện trò cười đùa vui vẻ.

Cái cảnh tượng hoàn lạc ấy không thấy có ở chốn thôn quê, nhất là ở làng Nam, một làng còn giữ nền phong tục thuần lương, chất phác.

Vì thế, sáng hôm nay là buổi khai trường mà người ta chỉ thấy lác đác một vài trò nhỏ từ các xóm đi ra con đường chính, nét mặt buồn tẻ, ngày dần, quần áo cũ kỹ, bẩn thỉu. Rồi khi chúng nhập bọn với những người đàn ông, đàn bà đi chợ, cũng không ai lưu ý tới mà tò mò hỏi xem chúng đi đâu. Đến nỗi ông hương Tịch ở thôn thượng về gặp con trưởng nó chạy chơi, liền lớn tiếng mắng:

— Thằng Cáp chết dốt đây nhè! Sao không chân trâu mà lại nhảy nghịch thế?

Cáp phụng phịu cãi lại:

— Con đi học đây chứ!

Ông hương tỏ vẻ mặt ngạc nhiên hỏi lại:

— Đã đến ngày nhập học rồi à?

— Vâng.

Sự học ở nhà quê, người ta thường chỉ theo thầy lễ. Quan trên sức về làng phải dựng trường, thì họ cũng dựng trường. Cái thời quan tuấn thượng lệnh có từ hơn nghìn năm nay đã làm cho dân quê ta thành cái máy văng lõi; không bao giờ từ ý họ, họ biết nghĩ làm ra được việc gì có ích lợi. Và hội đồng hương chính họ bầu ra hình như chỉ để cho quan trên sai bảo, chứ tịnh không tự có một ý kiến gì, một hành vi chủ động gì. Vì thế nhiều làng bỏ ra hàng nghìn dựng một nhà học hiệu chỉ để làm cảnh.

Người làng Nam cũng như dân, phần nhiều các làng khác rất lãnh đạm với sự học. Ngày xưa thời còn hàn học, làng ấy vẫn nổi tiếng là một làng văn vật. Nhưng ngày nay, trừ đám sáu nhà kha khá cho con theo học chữ Pháp ở

NGHIỆN THUỐC PHIỆN

Cải thuốc phiện

NGHIỆN thuốc phiện không cứ mới nghiện hay đã lâu, nghiện nặng hay nhẹ, người yêu hay khờ, uống thuốc « **cải thuốc phiện Hồng-Khê số 20** » đều bỏ được cả mà không sinh chứng bệnh gì khác. Thuốc nước mỗi chai giá **1 \$ 00**, trước bữa hút độ 15 phút uống 1 chén con nếu thấy dễ chịu thì thôi, hoặc còn thấy muốn hút thì uống thêm một vài chén nữa. Thuốc viên mỗi hộp **0 \$ 50** trước khi đến bữa hút, uống 5 viên triệu với nước đường, hoặc nước chè cũng được, nghiện nặng thì uống nhiều hơn lên. Uống thuốc cải **Hồng-Khê số 20** đã bỏ là bỏ hẳn được, chứ không như các môn thuốc khác chỉ bỏ được tạm thời, sau lại phải hút. Nghiện nặng hết **1 \$ 00** nghiện nặng **6 \$ 00** là bỏ hẳn được.

BỆNH PHONG TÌNH

Lậu, giang-mai, Hạ-cam

BỆNH lậu mới mắc, tiểu-tiên buốt tức có mù, hoặc phải đã lâu ngày thành bệnh kinh-niên, trở đi trở lại, mãi không khỏi dứt, lấy nước tiểu vào cốc thủy tinh xem thấy có vẩn, dùng thuốc **lậu Hồng-Khê số 30**, bệnh nhẹ 2 hộp, bệnh nặng 10 hộp là khỏi dứt ngay.

Bệnh giang-mai có mụn lở phát hạch, đau xươg, rất thật mao gà hoa khê, dùng thuốc **giang-mai Hồng - Khê số 14**, nhẹ 2 hộp nặng 8 hộp là khỏi dứt ngay. Thuốc **Hồng-Khê số 14** và số 30 uống không cần phải kiêng hạp sinh dục, uống thuốc đi làm việc như thường không ai biết là có bệnh vì khỏe người mau khỏi, giá rẻ chỉ có **0 \$ 80** một hộp. ở xa mua từ 6 hộp trở lên không phải chịu tiền cước.

HỒNG-KHÊ DU'OI-C-PHÔNG

NGÀY NAY

TRE XANH.

của **KHÁI-HƯNG**

tính lý hoặc ở các thành phố Nam-dịnh, Hanoi, còn phần đông dân quê thì không bao giờ học nghĩ đến sự ích lợi của học văn. Tiễn trong làng có trường họ cũng cho con họ đi học, một là để cho nó khỏi chạy nhây, nghịch ngợm, hai là để nó biết vẽ vạch chữ quốc ngữ, may ra sau này có nhờ đó mà tranh được một ngôi thứ cao ở nơi hương âm chăng? Ngồi thứ, đó là cái đích bắt đi bắt dịch họ mong đi tới, hay mong cho con cháu họ đi tới, mà nhiều khi họ bỏ hàng nghìn bạc ra mua bằng được cho họ và cho con họ. Ngoài ra, họ không trông thấy một sự gì khác nữa.

Tuy mới hơn sáu giờ sáng, tuy quang đường từ nhà bà Nhị đến trường học chỉ ngắn vào khoảng ba, bốn trăm thước, Thanh cũng cắp cặp thông tá ra đi.

Là vì chẳng như say sưa cảnh thôn dã. Từ bé đến giờ, chàng chỉ sống ở nơi thành thị, nên sự tiếp xúc buổi đầu với ruộng lúa, vườn khoai, với người nhà quê thật thà, vô học đã đem lại cho chàng những cảm tưởng mới mẻ, tốt đẹp.

Về làng Nam được hai hôm nay, chàng suốt ngày lang thang ở ngoài đồng, trên các bờ ruộng lúa hay bên những lũy tre cao, vui sướng ngất những bông hoa cúc vàng nhỏ và hoa chưa me dại màu tím hồng mọc ở gò đồng hay bên bãi tha ma. Có khi chàng đứng nói chuyện hàng giờ với lũ trẻ chăn trâu, chăn bò mà không hề nhàm tẻ của chàng trường-tượng ra một bọn tài tử có giọng hát trong trẻo hòa với tiếng địch véo von giữa trời hoàng hôn êm ả. Rồi chàng ngồi xuống cỏ, xem chúng đánh chuyền, đánh cờ «chân chó», cho những cách chơi tiêu khiển ấy có tính cách trần tục lắm...

— Lạy thầy ạ!

Thanh quay lại: đó là một thằng bé vận quần trắng, áo nâu, đi chân không, tay mang quyền vớ búa một mẫu đồ. Chàng nhận ngay ra thằng Sửu mà chiều hôm trước chàng gặp đương thả diều ở trong sân đình. Chàng tươi cười sẽ gặp, rồi hỏi:

— Em học lớp mấy?

— Thưa thầy, con lên lớp nhất.

— Nghĩa là lớp sơ đẳng, phải không?

Hình như Sửu không hiểu sơ đẳng là gì, ngơ ngác trả lời:

— Thưa thầy, ờ-lê-măng-te ạ.

Thanh không nhịn được cười:

— Thề thì khế đây.

Ra đến trường chưa thấy có học trò, Thanh bảo Sửu:

— Còn sớm lắm, hãy cho em đi chơi.

Ở lại một mình, Thanh thông thả đi bách bộ trong sân trường, quanh bồn cây bằng nhỏ, cảnh xoe ra như cái tảo, và lá bị sâu ăn lỗ chỗ thủng tựa chàm hương. Chàng vì mấy cây ầy với những người nhà quê nghèo khổ, rách rưới.

Người coi trường ở sân sau chạy ra gặp Thanh, lễ phép chấp tay chào. Thanh hỏi:

— Anh là ai?

— Bầm quan, con là loong-loong.

Thanh mỉm cười, vì thấy người coi trường đem tiếng quan tâng mình. Chàng có ngờ đâu rằng xưa nay những viên trường giáo, người ta vẫn tôn là quan đốc, để phân biệt với những «thầy» trợ giáo.

— Bầm quan, đã đến giờ chưa để con đánh trống?

Thanh rút đồng hồ túi ra xem, rồi bảo người kia:

— Còn sớm.

— Bầm quan, mấy giờ ạ?

— Mới bảy giờ kém mười, còn những bốn mươi phút nữa.

Khi người coi trường đã trở về sân sau, Thanh ra cổng đứng ngắm những người đi chợ, vì trường làm ngay bên cạnh đường cái. Chàng đương mỉm cười lắng tai nghe những tiếng ngọng trong câu chuyện của hai người đàn bà đầu đội thùng nặng đặt trên cái vó, thì có ai cắt tiếng chào chàng:

— Lạy ông giáo ạ.

Thanh quay lại:

— Kia có Cúc! Có đi chợ nào đây?

— Thưa tôi đi chợ Đông.

Rồi nàng cười hỏi tiếp:

— Ông có gửi mua quà không?

Lúc bấy giờ học trò đã rải rác trong sân trường. Thanh sợ mất vẻ trang nghiêm của một ông giáo, nên sẽ trả lời:

— Thôi, có đi chợ nhé. Tôi vào dạy học đây.

Đoạn, chàng vọt văng bước vào trong lớp lăm như đã đến giờ học rồi.

(Còn nữa)

KHÁI-HƯNG.

Thi chọn ảnh trong NGÀY NAY

Phiếu dự thi

7. Ảnh số

trong số báo

8. Ảnh số

trong số báo

Đợi ra hết 6 số báo đầu, sẽ chọn ảnh, cắt phiếu, biên theo thứ tự, gửi cho bản báo.

PHÒNG KIẾN TRÚC

NGUYỄN-CAO-LUYỆN

Góc phố Borgnis Desbordes, và Richaud, cạnh nhà thương Phủ-Roãn

Giúp việc có các ông:

TÔ-NGỌC-VÂN, họa sĩ

HOÀNG-NHU-TIỆP, kiến trúc sư

Chaussez-vous chic

Sans vous chausser cher

Chez

Van Toàn

95, Rue de la Soie — HANOI

Catalogue 1935
Francs sur demande



ĐAU BỤNG

ĐAU bụng kinh-niên, đau già-dậy, bệnh phong-tích. Bệnh nào có thuốc ấy, nhưng người có bệnh không biết rõ là mình bị bệnh gì, bệnh họ lại uống thuốc kia thì sao cho khỏi được. Nay chúng tôi mới bào chế được một phương thuốc số 31 bắt cứ đau tức, đau bụng kinh-niên, đau máu, đầy hơi, đau già-dậy, đau bệnh phong-tích, uống đều khỏi cả. Một buổi sáng hoặc đương lúc đau uống từ 5 viên đến 10 viên triệu với chén nước nguội, thuốc uống khỏi miệng, sự đau đớn khó chịu phải tiêu tan hết ngay; nếu ai đau mà thấy trong bụng bức tức khó chịu thì uống 10 viên triệu với bát nước chè thật nóng cho nó tẩy hết các chất độc ra. Thật là món thuốc rất là xưa nay chưa từng có. Giá bán mỗi hộp 0\$ 40, nhẹ uống 1 l, nặng 6 l, khỏi rút.

88, ROUTE DE HUÉ — HANOI

BỆNH TÊ-THẤP

«RƯỢU hành huyết khu phong» là môn thuốc thấp gia truyền của hiệu thuốc **Hồng-Khê** uống được sofa được, chữa khỏi các chứng bệnh tê bì ngoài da thấp cốt đau nhức xương cùng bệnh thấp thống sưng nề 2 chân vằn vằn... Bệnh nhẹ chỉ 1 chai 0\$ 30 vừa uống vừa xoa là khỏi bệnh nặng 4, 5 chai. Các bà mới ở cũ sofa thuốc này kín chân lòng mạnh gân cốt chữa bệnh tê.

CÁC NHÀ ĐẠI-LÝ HỒNG-KHÊ

Haiphong, 73 Rue Belgique. — Namdinh, Ich-sinh-Đường, 190 phố Khách. — Sontay, Xuân-Hải, phố Lạc-sơn. — Yênbáy, Đông-Tuân. — Lào-kay, Đại-An 13 Tân-tào. — Cao-bang, Vinh-Hưng, 58 phố Thái. — Huế. — Tourane. — Vinh. — Bazar Battien. — Nhatrang. — Songiang. — Saigon, Đức-Thắng Dakao. — Bonneng, Lê-duy-Định. — Phontiou (Laos), Bô. — Vientiane. — Maison au Ba Phnomphên maison Hồng-Bàng.

MA NÉM ĐÁ

của Việt-Sinh và Nhất-chi-Mai

Cái nhà có ma

DƯỚI chân đê Yên-phu, phố Blockhaus Nord, ở hàng Bún đi lên rẽ sang tay phải, có một dãy nhà ngói lợp xúp, mái không cao hơn mặt đê.

Dãy nhà tiêu tuy ấy là chỗ trú ngụ của một ít anh em lao động, ban ngày làm việc quanh mé bờ sông, tối lại về đây nghỉ ngơi.

Cảnh im lặng, xa những phố đông đúc, đây lâu vắng mênh mông cho bọn họ giấc ngủ êm đềm, đường sáng. Nhưng một hôm, cảnh im lặng kia bỗng mất hẳn. Thay vào đây, những tiếng ồn ào, huyền ảo, khó chịu, phiền nhiễu, làm loạn cả tinh thần của bọn người chạt phước, có tâm linh hồn dễ cảm động.

— Ma ! Ma

ném đá ! Ma

không sợ tây !

Lời tuyên truyền từ dãy nhà ngói lợp xúp lan ra khắp phố và thành thị, chạy từ miệng này sang miệng khác, không mấy lúc thành một câu truyền huyền bí, ghê sợ, đánh mạnh vào lòng huyền kỳ của công chúng.

Rồi thì, từ mồng năm Tết, cứ sáu giờ chiều trở đi, người ta kéo nhau tập nập lên đường đê Yên-phu xem ma...

Ma làm những gì ?

Chúng tôi cũng đến xem ma.

Lúc ấy vào khoảng chín giờ tối. Thiên hạ đã tụ họp thành một đám đông, đứng trên vệ đê, bên tàu sơn sao.

Một người đàn bà, trước đã ở nhà có ma, kể lại cho chúng tôi nghe :

— Cái nhà này xưa nay vẫn âm u lắm. Chúng tôi chia nhau ra ba chủ ở. Gian ngoài to nhất, chịu năm đồng, cái nhà cầu vừa hẹp vừa bé thì hai đồng rưỡi, còn gian trong cùng, hỏn đồng.

Tôi mồng năm Tết vừa rồi, bỗng thấy gạch ném tới tập xuống sân. Chúng tôi cho là có người nghịch tình. Sau, ở trong nhà cũng có gạch rơi xuống, đó rõ ràng. Bây giờ chúng tôi mới tin là có ma.

— Ngoài sự ném đá, bà còn thấy gì khác nữa ?

— Có chứ ! Ông tính thế này có khiếp không ? Cái chum nước đang để giữa sân, tự nhiên giữa trưa từ từ ngả xuống, đó hết nước : ra rồi lại từ từ đứng lên. Bao nhiêu người đang ăn cơm trông thấy bỏ chạy tứ tung ra ngoài đường.

Còn chính tôi thì một có sáu giờ chiều, giờ chưa tới hẳn, tôi đang bắc bếp kho nộm thịt ở sân, vừa quay đi quay lại đã thấy mặt biển nổi thịt. Sáng hôm sau thấy chiếc nộm nằm chéo vẹo trên mái nhà.

— Ngoài các ông, các bà ở trong nhà này ra, có ai được xem những sự ghê gớm ấy không ?

— Hẳn chứ ! Vừa tôi hôm qua có một người tây đi với bà người annam, quần áo sang trọng lắm, mở cửa đi vào gian trong cùng xem. Vừa đứng độ năm phút đồng hồ thì một hòn gạch tưởng rơi đánh bịch một cái, sớt qua mũ một người trong bọn. Các ông ấy bắt đền bầm lên soi thì không thấy gì. Rồi các ông ấy cũng hoảng hốt bỏ chạy trở ra, không còn ai dám đứng ở trong nhà.

Nhưng có cái này lạ hơn cả : Hôm mồng sáu Tết, một ông đội xếp ta đến, đang hút thuốc lỏ, tự nhiên một hòn gạch tưởng rơi đánh chát một cái ngay bên cạnh. Ông đội xếp tức mình lại thường trối viên gạch ấy vào một cái cột gỗ, vừa buông tay thì viên gạch cũng bắn ra, mà những mỗi thường cũng tung ra nốt.

Bây giờ chúng tôi muốn vào xem có được không ?

— Được. Nhưng xin các ông đừng nhạo báng việc quỷ thần. Vì hễ ai không tin hay chỉ rủa thì tự nhiên bị ma ném vào người. Kia, các ông trông bác thợ cạo đang đứng kia, chỉ vì táo tợn lắm, nên bị ma ném sắt cả mặt...

Sau khi cảm ơn người đàn bà đã cho biết những sự hành động của ma, chúng tôi mạnh bạo bước vào trong gian nhà bí mật.

Chúng tôi cũng bị ma ném đá

Một cái nhà lồi cũ. Ngoài cái cửa ra vào, không có lấy một chỗ hổng cho ánh sáng xuyên qua. Bởi vậy, trời tuy sáng trắng mà trong nhà vẫn tối đen, phải dò từng bước cho khỏi đụng đầu vào những chiếc cột gỗ.

Qua gian nhà ngoài, chúng tôi bước vào một cái sân nhỏ, cái sân có cái chum nước tự nó ngả xuống rồi lại từ từ đứng lên và nổi thịt kho biết bay.

Chúng tôi để ý xem. Phía trái có một bức tường cao, bên phải có một cái nhà cầu một mái đứng chênh vênh làm giới hạn. Những chú thuê bị ma quây nhiễu đã gọn đi, không còn một ai. Mấy gian nhà bí không như càng thêm vô lạnh lùng, bí mật.

Chúng tôi chăm chú lắng nghe để giữ lòng can đảm. Dù có định kiên từ trước khi bước chân vào, chúng tôi vẫn thấy nao-nao trong bụng.

Đợi chừng mười phút chưa thấy gì, chúng tôi hơi thất vọng. Ở ngoài, công chúng vẫn đứng trên vệ đê, ồn ào, sơn sao, rồi có nhiều tiếng lọt đến tai chúng tôi :

— Hay là hai người ấy bị ma bắt rồi.

Tức mình, chúng tôi toan trở ra. Nhưng vừa quay lưng thì thấy chát một cái : một viên gạch có dấu văng mạnh vào tường rồi nằm yên dưới sân. Chúng tôi cúi xuống nhặt viên gạch lên xem, thì tiếp theo hai, ba viên nữa cũng rơi xuống một lúc.

Ở ngoài, người ta reo lên :

— Ma ném rồi đấy ! Đi ra thôi !

Những tiếng reo ấy càng kích thích lòng muốn biết của chúng tôi, tuy lòng muốn biết ấy đã hơi... lạnh lạnh, sau khi chúng tôi nhận được mấy viên gạch ở đầu rồi xuống.

Chúng tôi mạnh bạo đẩy nốt cái cửa sau cùng bước vào gian nhà trong. Gian này thấp hơn gian ngoài, mùi tường ẩm với mùi đất ướt lấm cho không khí càng thêm lạnh lẽo...

Đánh riêm lên soi, chúng tôi thấy một cái điều hàng gỗ, treo lủng lẳng ở sân nhà. Chúng tôi tưởng tượng như đứng trước cảnh thăm u ở trong rừng thẳm, với một cái bình với hay một cái bát hương cũ kỹ. Rồi chúng tôi thấy bắt đầu rung mình, tuy chúng tôi vẫn yên trí là không thể có sự gì nguy hiểm xảy ra.

Sau khi xem xét kỹ lưỡng mọi chỗ, chúng tôi chia nhau ra mỗi người một góc, im lặng, đợi ma.

Năm phút, mười phút, mười lăm phút, nửa giờ, vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Chán nản, chúng tôi gọi nhau bước ra, thì bỗng thấy loảng soảng trên mái nhà : hai, ba hòn gạch tiếp tục lần xuống sân.

Chúng tôi chạy ồ ra ngoài nhìn lên. Trời vẫn sáng trắng. Trên mái nhà không thấy một bóng gì.

Ở ngoài, tiếng người lại ồ lên :

— Đấy ! Nó lại ném đấy ! Ra đi thôi !...

Ma đây rồi !

Không thấy gạch rơi trong nhà, chúng tôi không nghĩ ngại gì nữa, mở toang cửa gọi công chúng vào :

— Ông nào muốn xem ma thì vào đây. Chúng tôi biết nó ở đâu rồi !

Bỗng, năm chục người mạnh bạo theo chúng tôi vào trong sân. Chúng tôi chia ra mỗi người nhìn một góc, để đợi ma ném đá.

Một người đàn ông lực lưỡng, nét mặt hung tợn, vỗ mạnh vào vai tôi, nói :

— Ông đừng chần chờ ! Ma nó ném vỡ đầu ra bây giờ.



Số 25 Trước cửa nhà có ma, một bà đang diễn thuyết về ma cho những người đến xem nghe.

Tôi lạnh lùng đáp :

— Tôi đang muốn vô đầu. Giả ông bảo được ma ném chúng tôi một cái thì tôi tin ngay.

Người lạ mặt, ra dáng cảm tức bỏ đi.

Năm phút sau, chúng tôi còn đương bàn tán sơn sao, bỗng viên gạch to bằng hai bàn tay từ từ ở phía bên kia mái nhà bay lên, rồi lại từ từ rơi xuống, sớt qua cái mũ dạ tôi đang đội trên đầu.

Mọi người đều reo ó lên :
— Ma đây rồi !
Cùng lúc ấy, hai viên cảnh sát tây cũng đến.
Chúng tôi dẫn hai viên cảnh sát vào trong gian nhà tôi, bầm đèn lên, cất nghĩa cho họ nghe :
— Hôm trước có mấy người ta và một người tây vào đây xem cũng bị ma ném. Mấy người ấy không xem kỹ, nên không trông thấy cái mái nhà cấu gồ lên cái mái nhà này. Chính ở góc này tụt ra một mảng ngói, nhưng vì có mái nhà cấu ở trên, nên không có ánh sáng xuyên qua và trông không rõ. Viên gạch hôm ấy rơi chính ở góc này, vậy ta không phải nghĩ ngờ gì nữa : có người đứng ở nhà cấu thờ ở, hay thờ gậy lên đây cho viên gạch rơi xuống...

Còn truyện chum nước, niêu thịt, viên gạch buộc chỉ là câu truyện đặt ra để huyền hoặc người ta.

Vừa lúc này tôi thoáng nghe một người trong bọn thuê nhà cũ nói : «nên bây giờ bà chủ cho chường lại năm đồng một tháng thì tôi lại thuê ngay». Bù rõ bọn họ chỉ bấy đặt ra để hạ giá tiền nhà.

Bây giờ hai ông muốn xem mặt ma, chỉ gõ cửa sang nhà bên cạnh là thấy.

Theo lời chúng tôi, hai người cảnh sát chạy sang bên cạnh gõ cửa. Chờ hế ra, người lạ mặt lúc này, mặt tái mét, mắt không còn hơi máu, lộ dấu ra, nhũn chúng tôi bằng hai con mắt hăm hăm, giận dữ.

Một người cảnh sát thạo tiếng ta, cầm cái gậy gõ gõ vào đầu người lạ mặt :

— Ma gì, mặt mày! Đố ma... cò-bông! Không chừa nghịch tính thì ở tù!

— Nồng me xừ, moa...

— Nồng cái gì? Mày đã chừa ném đá chưa?

— Ủy me xừ!

Thì ra ma biết nói tiếng tây.

Và cái lời bấy đặt ra truyện ma ném đá để làm cho người ta hoảng hốt, sợ hãi là cái lời thông dụng của bọn người lằng giềng annam mỗi khi thù nhau, hay của những kẻ muốn thuê nhà, mua đất bằng một giá thực rẻ.

Bọn ma ném đá đầu tay này, theo ý chúng tôi và lời nói của viên cảnh sát tây kia, chỉ là bọn «ma-cò-bông».

Việt-Sinh và Nhất-Chi-Mai.

GIÁ MỘT NHÀ

NGOẠI ba gian nhà tranh mà dân nghèo ta ở còn những đồ dùng trong nhà cần thiết cho sự sống nữa. Cái bảng kê giá các đồ dùng đó, đúng sau đây, tỏ ra rằng dân quê ta thực có thể sống được với không bao nhiêu.

Đồ dùng trong một nhà quê (nhà ông xã M... ở làng T. P.)

3 cái giường.....	1 \$ 50	1 đội quang con.....	0. 03
6 đôi chiếu.....	1. 50	1 siêu đồng.....	0. 60
2 cái bát uống nước.....	0. 03	1 sanh đồng.....	0. 80
1 đèn treo ba giây.....	0. 35	1 cái ống.....	0. 25
1 đèn cầy.....	0. 18	1 bình dôi.....	0. 03
1 đèn con hoa kỹ.....	0. 06	3 liễn sành.....	0. 12
3 đôi guốc.....	0. 15	2 bát phở.....	0. 02
2 chén uống nước.....	0. 06	1 dao dũa.....	0. 30
1 ấm tích.....	0. 30	1 cối xay đá.....	1. 00
3 đĩa tây to.....	0. 45	1 cạp nhỏ.....	0. 40
3 cái bô.....	0. 12	1 nồi đồng.....	2. 00
4 giỏ, giá.....	0. 08	5 cái nồi đất.....	0. 15
2 thùng sắt tây.....	0. 40	2 mâm gỗ.....	0. 60
2 đầu bát gỗ.....	0. 50	20 đĩa Thanh trì.....	0. 30
10 bát chẹt yếm.....	0. 30	10 bát ăn cơm.....	0. 25
1 cái sàng.....	0. 05	1 thớt.....	0. 10
1 giường tre.....	0. 50	2 chổi rơm.....	0. 02
1 gáo múc nước.....	0. 02	1 bó dũa.....	0. 05
1 nồi bô dũa.....	0. 01		
			13 \$ 58

Cộng cả gian sơn : 13 \$ 58.

Như vậy, giá tiền tất cả đồ dùng cho một gia đình annam chưa bằng giá tiền một cái vợt đánh ten-nit.

Ta có thể kể thêm cái khăn xếp lằng lằng trong nhà, hai thùng lá gai, trên giầy thép giàng dài mấy cái quần áo cũ, trên sàn nhà hai cái thuyên con.

Trên bàn, hai thùng ớt khô, mấy gói chè mạn, quả quít ở tỉnh đem về, ba cái bát, một ống đũa rồi liền mặt, trên cửa một cái gương soi.

Không có chân đèn đốt, chỉ có ba tấm cửa hàng rào.

Tất cả các thứ đồ dùng kê trên đây đều là thứ tôi có cá, chỉ trừ cái đèn ba giây là đồ «cần minh», họ dùng để thắp đánh tò tôm.

Chi-Lan

LẠC VÀO ĐỘNG BÀ CHỮA HÀNG BẠC

(Tiếp theo số 3)

GẤN đó, trong một cái bể cạn lùn, có mấy con rùa vàng, vuông chữ nhật, trơ «thổ địa» như những cục gạch.

— «Rùa gì?»

— «Hộp đây!»

Thề ra chúa có những mấy con rùa hộp, hơn cả ông Tiểu của chúng ta.

Vào nhà trong, tôi tưởng tượng như bước vào một nơi thần mật lăm của chúa. Ngoài những bức ảnh cắt nhật trình chụp một ông già có râu dài nhất thế giới, một nhân vật mặt người, mình cá, một người annam rất cao cạnh chú lùn của chúa, ngoài những thứ đó, chúa đã để lại thật lăm vật kỷ niệm thừa xưa, những vật mà một người con gái thường ham chuộng: ba cái đầu trầm-sám, những poupées to tướng, những hình nhào có mây, như anh Charlot ôm cột đèn mà quay, một cô vũ-nữ xoè váy múa theo gương mặt.

Thăng xe lên giấy dán trầm-cám. Lặng tãi kỷ mới nghe thấy tiếng. Xe nói: «Trước kia nó kêu to lắm, bây giờ cũ quá, nên mất thanh».

Tôi cảm nhất lúc nghe đàn. Văng vẳng như ở một buồng khác đưa sang, những tiếng đàn tây ấy giống như tiếng vang của một đời dĩ vãng, ăn chơi, vui sướng, êm ái, không theo dịp của xã-nội đã định.

Lên gác

Bước lên gác, tôi đổ ý ngay tới hai con cá chệ trắng ướp rượu thuốc ngâm trong lọ gần kín, trông tươi như còn sống.

Sang bên trái là giường ngủ, hẹp và không được chắc chắn lắm. Trên giường treo một bức tranh t. u, về hai ông ăn vận lối Quảng-lạc: một ông cưỡi ngựa, một ông đi dưới đất, mình cũng quên không hỏi là những ông nào! Người ta đã trả bức tranh đó tới năm trăm bạc, tuy chúa mua nó có dăm chục.

Dưới đất đặt một tủm da báo.

Chúa lên gác, tôi đã nghĩ buồng ngủ của chúa chắc phải tây đặc, ẩm áp, nhưng không. Chúa đã tu cho đèn thành một bà chúa tàu rồi, thi giường cũng phải khác giường thường. Nó là giường «bát-lạc», không biết đóng từ đời nào, trị giá tới năm ngàn đồng. Tôi trông nó như một cái buồng con của tàu, trạm trở rất kỳ, có đủ giường, bàn, ghế và âm cũng như một khoang thuyền ngự ngày xưa.

Nhưng, cứ thật mà nói, trông lên giường, ta chỉ cảm thấy những sự lạnh lùng, xa xăm như đứng trước một ngôi mộ cổ.

Đồ đạc ở đây, chao ôi! cả đèn cái trần nhà, ván gác nữa, cái gì cũng đẹp, cũng quý mà cũng móm, cũng già cỗi.

Sang gác bên phải là ngôi đền riêng. Tôi đại khái đã biết thờ nào là một cái đền, và lại là một anh lỏ mắng, xưa nay vẫn sợ các đền đài. Muốn từ về, nhưng né chúa mà phải trèo thang lên.

Đền diện sáng choang, hoa cả mắt, chỉ thấy những sơn son thếp vàng chói lọi. Do ở bản tính lỏ mắng, tôi còn nhớ nhất là ở đây có hai cái mô, lớn, nhỏ lẫn lộn, nhẵn như đầu xã Xệ và vai cổ hình nhân «vũ em» mặt có thẹn ra.

Và những bức tranh vẽ hình phạt của ngài Diêm-vương. Minh đang có nhận xem thứ hình phạt nào nặng nhất và nhẹ nhất để liệu mà tu tỉnh, thì đèn đã tắt dần.

Chúa mới lỏ mắng tôi xuống gác.

Qua cái sâu ướt át rồi ra lối cửa sau.

Tôi không hiểu làm sao lại quay hỏi chúa một câu rất bằng quơ: «nhà chúa quả là sang lắm, nhưng chúa làm cách gì mà giàu thế?»

Chúa nhìn tôi mà cười như bảo cho tôi phải hiểu ngầm rằng: «bỉ mặt nhà nghèo», cái nghề trời sinh ra, từ lúc đã đến tuổi biết làm công chuyện được.

Một tháng xe phụ, cái anh chàng tôi vẫn gặp sau xe đối mỗi lúc chúa ngự ngoài phố, đã cầm sẵn một cái xích xích xù, chào tôi một cách rất kính cần, rồi... khóa cửa.

Còn phải qua đây chuồng thú nữa, cái mũi máy được tự do làm việc.

Nhìn lại đồng vàng ngọc chắt đây đây, lại nghĩ sao bà Bé tỷ không làm phúc một cách to lớn như cô Tư Hồng? Bà còn đợi gì mà không đem bán đi một thứ, cái độc tàu họ phách vô dụng kia chẳng hạn, để lấy tiền cho anh em bị nạn trong Nam. Trung-kỷ? Bà còn đợi gì mà không cho anh em chúng tôi biết rằng đồng bạc ở tay ai kia thì dạt, chứ đã lọt đến tay bà, thì phải là đồng bạc khôn?

(Hết)

Trọng-Lang



TEINTURE
OULEUR

PHUNG-NHU-CUONG
53 RUE CITADELLE



HIỆU SƠN
THĂNG-LONG

MUỐN CHỤP
ẢNH ĐẸP

CHỈ NÊN LẠI

Hướng ký

Photo

HANOI

Ái muốn cầm
nhà cửa, đất cát

XIN CỬ ĐỀN HỎI TẠI

Vạn-quốc

Tiết-kiệm

HANOI

Công việc nhanh
chóng và có nhiều
điều tiện lợi cho
các ngài

QUÀ BIỂU TẾT

Ngày Tết làm quà cho nhau không gì
quý bằng sách hay

CẬU TẮM LỘ

Gái quốc-sắc như cơn sóng lượn,
Trai anh-hung như chiếc thuyền trôi.
Tác-giả B.D. giấy 250 trang, giá ... 0 \$ 70

LINH-PHƯỢNG

Tập văn kiệt-tác của ông Đống-Hồ. In
thứ giấy sộp, 50 trang, giá ... 0 \$ 20

CHƠI XUÂN (năm Ất-hợi)

Cổ kiểu áo "Chím Lông" (Séduction)
kim-thời năm 1935 và có 13 bài được
thường Văn-Chương, rất vui, giá... 0 \$ 30

VĂN-ĐÀN-BẢO-GIÁM

Chữ Thích

Quyển thứ hai có 7 bức hình rất cổ
giấy 305" trang giá... 1 \$ 10
Ba quyển đóng bìa giả chữ vàng, giá 3 \$ 50
Mua cả bốn quyển trên được trừ... 10%
Có bán khắp các hàng sách.

NAM-KÝ THƯ-QUÁN

17, Boulevard Francis-Garnier

NAM-KÝ THƯ-VIÊN

39, Rue du Lac, Téléphone n° 882, Hanoi
(Tonkin)

Phuc Thai

Meuble décoré
et installé

33 Rue des Graines Hanoi

Tel 316

